

1. Đề tài: Vận động hành lang tại Mỹ và vấn đề đặt ra đối với Việt Nam

Học viên: Trần Trung Thành

Hoạt động vận động hành lang là một hoạt động chính trị được công nhận từ lâu tại Mỹ với sự phong phú và đa dạng về chủ thể, mục tiêu, đối tượng, biện pháp. Các quy định về quản lý hoạt động này cũng đã được hoàn chỉnh, thể hiện trong Đạo luật công khai vận động hành lang (Lobbying Disclosure Act - H.R.2564). Các quy định về quản lý hoạt động này cũng đã được hoàn chỉnh, thể hiện trong Đạo luật công khai vận động hành lang (Lobbying Disclosure Act - H.R.2564). Trong số các chủ thể tham gia vào hoạt động vận động hành lang tại Mỹ, không thể không kể đến các chủ thể với tư cách là quốc gia. Trong bối cảnh quan hệ Việt – Mỹ đang phát triển và có một số bước tiến vượt bậc trong thời gian từ khi bình thường hóa quan hệ (1995) đến nay, đồng thời vị thế, vai trò của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới đang không ngừng được nâng lên, việc tranh thủ nhân tố Mỹ để phát triển kinh tế - xã hội và giải quyết một số vấn đề quốc tế, khu vực có lợi ích của Việt Nam ngày càng có vị trí quan trọng trong tổng thể chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta. Bên cạnh đó, những khác biệt về nhận thức giữa hai nước trong một số vấn đề, nhất là vấn đề nhân quyền – tôn giáo tiếp tục là trở ngại đối với những mục tiêu mà hai nước có thể đạt được trong quan hệ song phương. Ngoài ra, các tranh chấp về thương mại Việt – Mỹ đang ngày càng có xu hướng diễn biến phức tạp theo hướng không thuận cho Việt Nam.

Từ tình hình trên, việc tiến hành các hoạt động vận động hành lang nhằm vào Chính quyền và Quốc hội Mỹ góp phần tranh thủ vai trò, ảnh hưởng chính trị và sức mạnh kinh tế của Mỹ để thúc đẩy lợi ích và an ninh quốc gia của Việt Nam. Đồng thời đấu tranh ngăn chặn kịp thời các âm mưu, hoạt động chống phá quan hệ Việt – Mỹ và xuyên tạc, bôi nhọ hình ảnh của Việt Nam của các thế lực thù địch và số phận lưu vong người Việt tại Mỹ; hạn chế tối đa tác động tiêu cực của các tranh chấp thương mại liên quan một số mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Mỹ là cần thiết và đúng đắn, phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta.

Luận văn “**Vận động hành lang tại Mỹ và vấn đề đặt ra đối với Việt Nam**” đã tập trung phân tích về một số vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan vận động hành lang tại Mỹ; đánh giá về ý nghĩa, thuận lợi, khó khăn và một số tình hình liên quan thực tiễn công tác vận động hành lang của Việt Nam tại Mỹ; trình bày cơ sở lý luận, tổng kết một số mục tiêu chính và trên cơ sở đó kiến nghị một số nội dung, biện pháp đẩy mạnh công tác vận động hành lang của Việt Nam tại Mỹ nhằm góp phần bảo đảm lợi ích và an ninh quốc gia trong một số vấn đề thuộc các lĩnh vực chính trị, kinh tế - thương mại.

2. Đề tài: “Vấn đề đầu tư trực tiếp trong quan hệ Lào – Trung Quốc từ năm từ năm 2000 đến năm 2013 ”

Học viên : Sengping Sinvongsa

Nguồn vốn FDI của Trung Quốc đã góp phần quan trọng vào quá trình tăng trưởng và phát triển của CHDCND Lào trên cả góc độ vĩ mô và vi mô. Trên góc độ vĩ mô, FDI tác động đến quá trình tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phúc lợi xã hội cho con người, là ba khía cạnh để đánh giá sự phát triển kinh tế của Lào. Trên góc độ vi mô, FDI có tác động mạnh mẽ đến năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước, vấn đề lưu chuyển lao động giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước... Trong thời gian tới, nguồn vốn đầu tư FDI của Trung Quốc tại Lào vẫn giữ vai trò quan trọng.

Luận văn với đề tài: **“Vấn đề đầu tư trực tiếp trong quan hệ Lào – Trung Quốc từ năm từ năm 2000 đến năm 2013 ”** đã chỉ ra rằng, đối với CHDCND Lào, việc thu hút được các nguồn vốn FDI của Trung Quốc trong những năm qua có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, nhất là trong giai đoạn từ năm 2000 đến năm 2013, nhằm bổ sung một nguồn vốn quan trọng cho đầu tư phát triển, tạo ra thế và lực phát triển mới cho nền kinh tế Lào.

Đầu tư của Trung Quốc tại Lào đã đem lại những lợi ích thiết thực. Tuy nhiên, bên cạnh đó nó còn có những mặt trái tiêu cực không nhỏ tác động trực tiếp tới mối quan hệ giữa hai nước. Hiện nay, chính phủ hai nước Lào và Trung Quốc đang cố gắng từng bước đưa ra các giải pháp nhằm khắc phục các hạn chế, tồn tại trên nhằm tăng cường quan hệ giữa hai nước. Những giải pháp đó là rất cần thiết trong giai đoạn hiện nay để quá trình hợp tác giữa hai nước trên lĩnh vực đầu tư ngày càng phát triển tích cực, góp phần thúc đẩy sự phát triển của cả hai nước, đưa mối quan hệ Lào - Trung Quốc lên tầm cao mới.

3. Đề tài: Thách thức và cơ hội cho Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào trong tiến trình hình thành Cộng đồng kinh tế ASEAN vào năm 2015.

Học viên: Phiangphimonh OUDOMDETH

Là một trong 3 trụ cột của Cộng đồng ASEAN được thông qua tại Hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ 9 vào năm 2003, Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) dự kiến sẽ được thành lập vào cuối năm 2015. Đây được coi như là một bước ngoặt, đánh dấu sự hội nhập toàn diện của các nền kinh tế Đông Nam Á. AEC sẽ hòa trộn nền kinh tế của 10 quốc gia thành viên thành một khối sản xuất thương mại và đầu tư, tạo ra thị trường chung của khu vực. Thời hạn hình thành AEC đang đến gần, trong khi đó những khó khăn và trở ngại trên con đường tiến tới Cộng đồng này vẫn đang hiện hữu đối với tất cả các nước thành viên, trong đó có nước CHDCND Lào. Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu sâu hơn về Cộng đồng Kinh tế ASEAN sẽ giúp tìm ra mô hình hợp tác kinh tế CHDCND Lào và Cộng đồng ASEAN, nhằm đạt được lợi ích cao nhất và giảm thiểu tối đa những tác động tiêu cực do quá trình này đem lại.

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận, luận văn “**Thách thức và cơ hội cho Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào trong tiến trình hình thành Cộng đồng kinh tế Asean vào năm 2015**” gồm có 3 chương:

Chương 1: Nêu khái quát tiến trình hình thành Cộng đồng Kinh tế ASEAN và sự tham gia của CHDCND Lào.

Chương 2: Trong những năm vừa qua, CHDCND Lào đã tiến hành phát triển kinh tế-xã hội về mọi mặt. Do vậy, ở chương này sẽ nêu lên những cơ hội và thách thức đối với CHDCND Lào trong quá trình tham gia xây dựng Cộng đồng Kinh tế ASEAN.

Chương 3: Nêu lên một số vấn đề đặt ra đối với Lào sau khi hình thành Cộng đồng Kinh tế ASEAN sau năm 2015 (sau khi hình thành AEC).

4. Đề tài: Vận động Quốc hội Mỹ trong thúc đẩy quan hệ thương mại song phương – Kinh nghiệm và bài học đối với Việt Nam.

Học viên: Nguyễn Trọng Đạt

Từ năm 1995, quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Mỹ từng bước được bình thường hóa, mở đầu với việc thiết lập cơ quan đại diện của hai nước tại mỗi bên. Đầu năm 2001, Hiệp định Thương mại song phương - BTA giữa Việt Nam và Mỹ được phê chuẩn và có hiệu lực, và đến năm 2006, phía Mỹ đã trao Quy chế quan hệ thương mại bình thường vĩnh viễn – PNTR cho Việt Nam, đánh dấu một bước cuối cùng trong quá trình bình thường hóa quan hệ giữa hai nước. Thực tiễn cho thấy, để đạt được những thành quả trên có sự đóng góp của công tác vận động Quốc hội Mỹ.

Vận động hành lang (lobby) đã trở thành một hoạt động phổ biến trong đời sống chính trị Mỹ, được luật pháp cho phép hoạt động và có tác động không nhỏ đến việc hoạch định chính sách đối ngoại của Quốc hội và Chính phủ Mỹ. Quá trình vận động Quốc hội Mỹ để đạt được BTA và PNTR đã đặt ra nhiều kinh nghiệm và bài học đối với Việt Nam. Hiện nay, Việt Nam vừa có lợi ích, vừa phải ứng phó với những thách thức đặt ra trong quan hệ với Mỹ. Do đó, việc tiến hành công tác vận động hành lang tại Mỹ nhằm bảo vệ, thúc đẩy lợi ích quốc gia là yêu cầu tất yếu đặt ra.

Luận văn với đề tài: “*Vận động Quốc hội Mỹ trong thúc đẩy quan hệ thương mại song phương – Kinh nghiệm và bài học đối với Việt Nam*” tập trung nghiên cứu quá trình vận động Quốc hội Mỹ của các chủ thể Việt Nam và Mỹ trong đàm phán ký kết BTA Việt – Mỹ và Mỹ trao PNTR cho Việt Nam. Trên cơ sở nghiên cứu các vấn đề nói trên, tác giả đã rút ra các bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam trong quá trình vận động Quốc hội Mỹ thông qua BTA và PNTR, qua đó, đưa ra một số ý kiến về công tác vận động Quốc hội Mỹ của Việt Nam trong thời gian tới, góp phần thúc đẩy quan hệ song phương và trong một vấn đề cụ thể là nhằm xử lý các vụ kiện chống phá giá một số mặt hàng của Việt Nam tại Mỹ./.

5. Đề tài: Những nhân tố tác động đến quan hệ kinh tế đối ngoại của Lào với ASEAN trong gian đoạn năm 1997 – 2013

Học viên : PHOUTTHAVONG SAYYAPHONE

Lào tham gia vào ASEAN đã đánh dấu một mốc rất quan trọng trong tiến trình phát triển của quan hệ kinh tế quốc tế của quốc gia này. Lào đã tận dụng và phát huy các lợi thế trong quan hệ hợp tác ASEAN. Đặc biệt thông qua AFTA (Khu vực mậu dịch tự do ASEAN) và các cơ chế hợp tác kinh tế khác của ASEAN, Lào đã tăng cường hợp tác kinh tế, đầu tư, thương mại, giao lưu văn hoá và nâng cao vị thế quốc tế. Quan hệ kinh tế giữa Lào và ASEAN đã được mở rộng và không ngừng phát triển, góp phần quan trọng vào việc củng cố môi trường hoà bình ổn định, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế, xã hội, tăng cường sức mạnh và uy tín quốc tế của Cộng Hoà Dân Chủ Nhân Dân Lào.

Từ khi ASEAN thông qua Hiến Chương và mục tiêu xây dựng cộng đồng ASEAN, trong đó hoàn thành cộng đồng kinh tế vào năm 2015-2020, Lào đã và đang tích cực triển khai nhiều nỗ lực nhằm đạt được mục tiêu đã được các nhà lãnh đạo ASEAN đề ra. Trong bối cảnh mới này, quan hệ kinh tế quốc tế của Lào với ASEAN có nhiều cơ hội để phát triển cả về chiều rộng lẫn chiều sâu gắn kết hữu cơ nền kinh tế của Lào với các nền kinh tế khác trong khu vực. Tuy nhiên trong bối cảnh hiện nay, quan hệ kinh tế giữa Lào với ASEAN vẫn còn nhiều hạn chế, còn nhiều vấn đề chưa hoàn thiện. Do đó để phát huy tích cực những điểm mà Lào và ASEAN đã làm được, và cố gắng khắc phục những điểm còn yếu kém trong quan hệ này một cách toàn diện nhất, chúng ta phải phân tích, đánh giá sâu sắc được các nhân tố tác động tới quan hệ kinh tế quốc tế giữa Lào với ASEAN. Việc nghiên cứu vấn đề này sẽ là một tài liệu tham khảo cho các nhà hoạch định chính sách của Lào và ASEAN nhằm thúc đẩy một mối quan hệ bền vững trong thời gian sắp tới.

Với ý nghĩa đó, người viết đã chọn vấn đề “ *Những nhân tố tác động đến quan hệ kinh tế đối ngoại của Lào với ASEAN trong gian đoạn năm 1997 - 2013*” làm đề tài cho luận văn thạc sĩ của mình. Với đề tài này người viết đã tập trung phân tích các nhân tố tác động tới quan hệ hợp tác kinh tế giữa Lào với ASEAN trong giai đoạn từ 1997 - 2012. Qua đó tác giả sẽ đưa ra tình hình thực tế về quan hệ này trong giai đoạn từ 1997 - 2012, làm rõ các mặt tích cực, cũng như hạn chế, các nguyên nhân và bài học rút ra, đồng thời phân tích những thuận lợi, khó khăn của quá trình hợp tác, từ đó đề xuất một số định hướng, chính sách và biện pháp lớn nhằm thúc đẩy hơn nữa quan hệ kinh tế giữa Lào với ASEAN.

6. Đề tài: Quan hệ Việt Nam – Campuchia từ năm 2000 đến năm 2012

Học viên: Lê Anh Ngọc

Qua thực tế chứng minh, quan hệ quốc gia láng giềng là mối quan hệ tế nhị, phức tạp có tác động rất lớn đến an ninh chính trị của các quốc gia liên quan. Nếu một giai đoạn nào đó, quan hệ hai nước trực trặc thì đều tổn hại đến lợi ích của cả Campuchia và Việt Nam. Ngược lại, nếu quan hệ giữa hai nước tốt đẹp thì tạo cơ hội và sự ổn định cho sự phát triển của hai bên. Việc phân tích thực trạng quan hệ Việt Nam – Campuchia trong những năm gần đây có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, để chúng ta không những hiểu đúng thực chất mối quan hệ trong thực tiễn, mà còn góp phần nâng cao tình cảm gắn bó giữa hai dân tộc, nâng cao ý thức trách nhiệm của Chính phủ và nhân dân hai nước trong xây đắp quan hệ Việt Nam – Campuchia; tạo cơ sở thực tiễn quan trọng chỉ ra triển vọng phát triển và đưa ra dự báo chính xác nhất cho mối quan hệ hai nước trong tương lai. Từ đó, có những giải pháp để tăng cường mối quan hệ giữa hai nước; có những biện pháp kịp thời đẩy lùi các thế lực thù địch đảm bảo môi trường hòa bình, ổn định trong nước, trong khu vực và trên thế giới.

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận, luận văn “**Quan hệ Việt Nam - Campuchia từ năm 2000 đến năm 2012**” gồm có 3 chương:

Chương 1: Tập trung phân tích những nhân tố cơ bản tác động đến quan hệ Việt Nam – Campuchia những năm đầu thế kỷ 21.

Chương 2: Phân tích sự vận động của quan hệ Việt Nam – Campuchia trên tất cả các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa – giáo dục, khoa học kỹ thuật ... từ năm 2000 đến năm 2012.

Chương 3: Thông qua 2 chương trên, rút ra được những đánh giá về những thuận lợi khó khăn trong mối quan hệ của hai nước từ đó dự báo về triển vọng về quan hệ hai nước đến năm 2020 và đề xuất một số khuyến nghị với Đảng và Nhà nước nhằm tăng cường hơn nữa mối quan hệ này.

7. Đề tài: Những điều chỉnh trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc sau Đại hội Đảng lần thứ XVIII

Học viên: Bùi Tiến Sinh

Đại hội 18 ĐCS Trung Quốc (TQ) diễn ra vào thời điểm sức mạnh tổng hợp và vị thế quốc gia của TQ đã được nâng lên tầm cao mới. Do đó, đa số dư luận TQ kỳ vọng Đại hội 18 sẽ đề ra những chính sách nhằm tiếp tục đưa TQ ngày càng phát triển, nhanh chóng trở thành cường quốc hàng đầu thế giới. Trong khi đó, dư luận quốc tế hy vọng TQ sẽ có những đóng góp tích cực hơn cho hoà bình, ổn định và phát triển của thế giới, đồng thời cũng lo ngại TQ sẽ lợi dụng vị thế mới để tăng cường can thiệp, chi phối các vấn đề quốc tế, khu vực, cứng rắn hơn trong xử lý các bất đồng lợi ích và tranh chấp lãnh thổ...Do vậy, đường lối, CSĐN được TQ đưa ra tại Đại hội 18 và những nội dung điều chỉnh trong quá trình triển khai thực hiện trong hơn 01 năm qua không chỉ thu hút sự quan tâm đặc biệt của dư luận TQ mà còn cả cộng đồng quốc tế, nhất là các nước lớn, các nước láng giềng của TQ, trong đó có Việt Nam.

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận, luận văn **“Những điều chỉnh trong Chính sách đối ngoại của Trung Quốc sau Đại hội Đảng lần thứ XIII”** gồm 3 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình thế giới, khu vực và trong nước TQ bên thêm ĐH18 ĐCS TQ. Bối cảnh trên vừa tạo cơ hội cho TQ phát huy lợi thế của một cường quốc đang trỗi dậy, khẳng định vai trò, vị thế và vươn lên thành một cực trên thế giới; đồng thời cũng khiến TQ đứng trước những thách thức nghiêm trọng, đòi hỏi TQ phải có những điều chỉnh trong CSĐN của mình.

Chương 2: Những điều chỉnh trong nội dung CSĐN của TQ sau Đại hội 18. Trên cơ sở nêu khái quát nội dung CSĐN của TQ tại Đại hội 18, so sánh với nội dung CSĐN tại các kỳ ĐH trước đây, luận văn tập trung phân tích những nội dung điều chỉnh cụ thể trong CSĐN của TQ. Đây được coi là “kim chỉ nam” cho hoạt động đối ngoại của TQ trong những năm tiếp theo, tác động sâu sắc và trực tiếp đến cục diện thế giới và khu vực.

Chương 3: Thực tế triển khai CSĐN của TQ sau ĐH18 và triển vọng trong thời gian tới. Chương này phân tích thực tế triển khai CSĐN của TQ trong hơn 01 năm qua, nhất là những nội dung đã điều chỉnh, từ đó đưa ra dự báo về triển vọng trong triển khai CSĐN của TQ trong khoảng thời gian sau Đại hội 18 – Đại hội 19.

8. Đề tài: Quan hệ Việt Nam – Malaysia từ năm 2000 đến nay

Học viên: Trịnh Hồng Bích Liên

Là những nước láng giềng trong khu vực, có vị trí địa lý thuận lợi, có sự tương đồng về phong tục tập quán và có những quan điểm chung về chính sách đối ngoại, Việt Nam và Malaysia có điều kiện thuận lợi để phát triển quan hệ đa lĩnh vực trước hết vì lợi ích của hai quốc gia. Bên cạnh đó, việc liên kết kinh tế trong khu vực không những làm giảm sự cạnh tranh giữa các nước mà còn có thể tận dụng được những lợi thế tương đối của mỗi nước, góp phần nâng cao vị thế của kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương, một khu vực được xem là trọng tâm của nền kinh tế thế giới trong thế kỷ 21.

Trong đường lối kinh tế đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta, hợp tác khu vực là một trong những trọng tâm ưu tiên phát triển, đặc biệt là với các nước trong hiệp hội các nước Đông Nam Á mà trong đó Malaysia luôn là một đối tác quan trọng. Do vậy, tác giả nghiên cứu một cách toàn diện hơn về mối quan hệ Việt Nam – Malaysia từ năm 2000 đến nay để làm rõ sự vận động, phát triển và triển vọng của nó có ý nghĩa cấp thiết cả về lý luận lẫn thực tiễn đối với Việt Nam.

Kết cấu của luận văn gồm: Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo và nội dung luận văn gồm 3 chương, 8 tiết như sau:

Chương 1: Những nhân tố cơ bản tác động đến quan hệ Việt Nam – Malaysia trong những năm đầu thế kỷ XXI

Chương 2: Thực trạng quan hệ Việt Nam – Malaysia từ năm 2000 đến nay

Chương 3: Triển vọng quan hệ Việt Nam – Malaysia đến năm 2020 và một số khuyến nghị

9. Đề tài: Chính sách đối ngoại của Singapore dưới thời Thủ tướng Lý Hiển Long (từ năm 2004 cho đến nay)

Học viên: Đinh Diệu Thu

Singapore là một quốc gia thuộc khu vực Đông Nam Á, ngoài diện tích nhỏ bé và không có bất kì tài nguyên thiên nhiên nào, những đặc điểm và tình hình khu vực đều có tác động đối với đảo quốc này. Singapore ngày nay đã cho thấy rằng ngay cả trong thời đại cạnh tranh quyết liệt, một quốc gia vẫn có thể vươn lên nhanh chóng nếu như biết tận dụng tối đa lợi thế của mình cũng như có những chính sách thích hợp. Từ chính phủ Lý Quang Diệu cho đến nay, Singapore đã xác định rõ ràng mục tiêu chính của bộ máy là đảm bảo sự sống còn của đảo quốc không chỉ bằng biện pháp an ninh quốc gia mà còn bằng sự phát triển kinh tế. Và đây vẫn luôn là mục tiêu chính trong hoạt động đối ngoại của mọi thời chính phủ của Singapore, bao gồm cả chính phủ Lý Hiển Long. Việc nghiên cứu chính sách đối ngoại của Singapore từ năm 2004 đến nay là một đề tài hấp dẫn để chúng ta có thể hiểu rõ hơn về sự phát triển của Singapore trong thời đại mới.

Luận văn với đề tài **“Chính sách đối ngoại của Singapore dưới thời Thủ tướng Lý Hiển Long (từ năm 2004 đến nay)”** đã nghiên cứu cơ sở hoạch định và nội dung chính sách đối ngoại của Singapore dưới thời Thủ tướng Lý Hiển Long. Từ đó nhận thấy những thay đổi của tình hình thế giới và khu vực, cũng như những nhược điểm của Singapore đã buộc chính phủ nước này phải theo đuổi chính sách đối ngoại cân bằng với các nước lớn, coi trọng, ủng hộ việc mở rộng cũng như thành lập một cộng đồng ASEAN có vai trò lớn hơn ở khu vực và trên thế giới.

Tác giả tập trung phân tích đánh giá quá trình triển khai chính sách đối ngoại của Singapore hiện nay đối với một số nước lớn (Mỹ, Trung Quốc, Ấn Độ), các tổ chức quốc tế (ASEAN, UN, WTO, The Commonwealth) và đối với một số nước láng giềng (Malaysia, Indonesia). Qua đó rút ra rằng chính sách đối ngoại của Singapore rất thực dụng được xây dựng trên cơ sở lợi ích dân tộc, Singapore cũng điều chỉnh rất nhanh chính sách của mình và vì thế giúp đảo quốc này vừa giữ được độc lập chủ quyền, vừa phát triển nhanh về kinh tế. Giữ cân bằng với các nước lớn là đặc điểm nổi bật trong chính sách đối ngoại của Singapore và đây là yếu tố quan trọng giúp Singapore phát triển thịnh vượng và duy trì độc lập chủ quyền. Ngoài ra Singapore không chỉ coi trọng xây dựng quan hệ song phương với các nước lớn mà còn đặc biệt coi trọng vai trò của ngoại giao đa phương và với các tổ chức quốc tế, tranh thủ sự ủng hộ đối với sự phát triển của Singapore cũng như vận dụng luật pháp quốc tế một cách khôn khéo giúp bảo vệ lợi của mình thông qua ngoại giao song phương.

10. Đề tài: Quan hệ Việt Nam - Đức giai đoạn từ 2000 đến nay: Thực trạng và triển vọng

Học viên: Nguyễn Đình Chiến

CHLB Đức là một nước lớn, có vị trí chiến lược quan trọng ở châu Âu. Đức có vai trò quan trọng trên trường quốc tế, là thành viên của các tổ chức quan trọng như EU, ASEM, G7, IAEA, IMF, NATO, UN, WTO... Việt Nam và CHLB Đức thiết lập quan hệ ngoại giao ngày 23/9/1975. Kể từ khi thiết lập đến nay, quan hệ Việt Nam - Đức đã không ngừng phát triển và trở thành mối quan hệ hữu nghị truyền thống. Quan hệ song phương giữa Việt Nam và Đức từ những năm đầu thế kỷ 21 đến nay ngày càng được phát triển và củng cố, thể hiện sinh động trên tất cả các lĩnh vực chính trị, ngoại giao; kinh tế, thương mại; văn hóa, giáo dục; quốc phòng... Từ nhiều năm nay, Đức là một trong những đối tác quan trọng nhất của ta ở châu Âu. Chính giới Đức, dù là đảng cầm quyền hay đối lập, đều đánh giá cao sự phát triển và vị trí của Việt Nam ở khu vực Đông Nam Á. Việt Nam và Đức đã nhất trí thiết lập quan hệ đối tác chiến lược và năm 2011.

Trong những năm tới, hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, nhưng sẽ có những diễn biến phức tạp mới, tiềm ẩn nhiều bất trắc khó lường. Trong bối cảnh đó, quan hệ Việt Nam – Đức trong thời gian tới sẽ ngày càng phát triển trên tất cả các lĩnh vực, tương xứng hơn với mối quan hệ hữu nghị truyền thống tốt đẹp, tiềm năng sẵn có cũng như mong muốn của chính phủ và nhân dân hai nước. Để thúc đẩy quan hệ giữa Việt Nam với Đức, Việt Nam cần tích cực, chủ động tăng cường các kênh đối thoại về các lĩnh vực trọng tâm, đặc biệt là các lĩnh vực đã xác định cụ thể trong Tuyên bố chung Hà Nội năm 2011.

Trên cơ sở những phân tích, đánh giá trên, luận văn với đề tài *Quan hệ Việt Nam - Đức giai đoạn từ 2000 đến nay: Thực trạng và triển vọng* đã tập trung giải quyết những nhiệm vụ: phân tích những nhân tố cơ bản tác động đến quan hệ Việt Nam - Đức từ năm 2000 đến nay; phân tích thực trạng quan hệ Việt Nam - Đức từ năm 2000 đến nay; đánh giá triển vọng quan hệ Việt Nam - Đức, từ đó tìm ra một số giải pháp nhằm thúc đẩy quan hệ Việt Nam với Đức.

11. Đề tài: Điều chỉnh chiến lược an ninh Châu Á – Thái Bình Dương của Mỹ dưới thời Tổng thống Barack Obama: tác động đối với khu vực và Việt Nam

Học viên: Nguyễn Thị Ngọc Lan

Từ sau chiến tranh lạnh đến nay, tình hình thế giới và khu vực châu Á – Thái Bình Dương thay đổi nhanh chóng và phức tạp. Với sự sụp đổ của Liên Xô, Mỹ trở thành siêu cường duy nhất và đóng một vai trò quan trọng trong các vấn đề an ninh khu vực thông qua sự hiện diện quân sự, các mối quan hệ liên minh an ninh mật thiết với Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc và các thoả thuận hợp tác quân sự với một số nước ASEAN. Ngoài ra, châu Á – Thái Bình Dương nổi lên là một khu vực phát triển năng động nhất thế giới, tập trung lợi ích của hầu hết các nước lớn, song khu vực cũng tiềm ẩn nhiều thách thức an ninh ảnh hưởng đến ổn định. Trong đó, cạnh tranh cũng như hợp tác chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc là yếu tố quan trọng đối với môi trường an ninh khu vực, có ảnh hưởng rất lớn đến chính sách đối ngoại của các nước trong khu vực, trong đó có Việt Nam. Chính vì vậy, việc nghiên cứu sự điều chỉnh chiến lược an ninh khu vực châu Á – Thái Bình Dương của Mỹ dưới thời Tổng thống Barack Obama là hết sức cần thiết, góp phần quan trọng vào việc dự báo, đánh giá môi trường an ninh khu vực, qua đó, góp phần vào quá trình dự báo tình hình và hoạch định chính sách đối ngoại của Việt Nam.

Luận văn với đề tài: **“Điều chỉnh chiến lược an ninh Châu Á – Thái Bình Dương của Mỹ dưới thời Tổng thống Barack Obama: tác động đối với khu vực và Việt Nam”** khái quát đặc điểm tình hình thế giới và khu vực sau Chiến tranh Lạnh, đưa ra cái nhìn tổng quan về chiến lược an ninh khu vực từ sau Chiến tranh Lạnh đến thời Bush (con); trình bày các nhân tố tác động tới sự điều chỉnh chiến lược của Mỹ dưới thời Tổng thống Obama, phân tích sự điều chỉnh chiến lược của Mỹ dưới thời Tổng thống Obama so với các chính quyền tiền nhiệm, trình bày quá trình triển khai chiến lược từ khi Tổng thống Obama lên nắm quyền năm 2009 đến hết năm 2013 và đưa ra đánh giá về chiến lược an ninh châu Á – Thái Bình Dương của Mỹ thời Tổng thống Barack Obama.

12. Đề tài: Quan hệ Nga- ASEAN từ năm 1996 đến nay

Học viên: Nguyễn Tường Minh

Bước vào thế kỷ XXI, có thể thấy Nga bắt đầu khôi phục lại vị trí nước lớn của mình sau những năm khủng hoảng khi Liên Xô tan rã. ASEAN trở thành một tổ chức quan trọng trong khu vực Đông Nam Á cũng như trong các diễn đàn đa phương khác. Cùng là hai chủ thể quan trọng trong hệ thống quan hệ quốc tế, quan hệ Nga – ASEAN cũng là cặp quan hệ được chú ý.

Quan hệ Nga – ASEAN được bắt đầu vào tháng 7 năm 1991 khi Phó Thủ tướng Liên Xô tham dự phiên khai mạc Hội nghị Bộ trưởng các nước ASEAN (AMM) lần thứ 24 tổ chức tại Kuala Lumpur với tư cách là khách mời của Chính phủ Malaysia. Tới tháng 7 năm 1996, Nga chính thức trở thành đối tác đối thoại đầy đủ của ASEAN. Từ mốc thời gian 1996 trở đi, Nga đã có những chính sách ưu tiên hơn với ASEAN và có các hoạt động hợp tác cụ thể hơn trong nhiều lĩnh vực.

Việc nghiên cứu quan hệ Nga – ASEAN từ năm 1996 đến nay là cần thiết, nhất là khi Việt Nam là một thành viên của ASEAN, cũng là một nước đối tác chiến lược toàn diện với Nga.

Luận văn với đề tài “Quan hệ Nga – ASEAN từ năm 1996 đến nay” đã tập trung nghiên cứu cơ sở hình thành quan hệ đối tác đối thoại đầy đủ giữa Nga và ASEAN, đồng thời nêu và đánh giá thực trạng quan hệ hợp tác Nga – ASEAN trong các lĩnh vực cụ thể như chính trị - an ninh, kinh tế thương mại và năng lượng, kỹ thuật – quân sự, khoa học công nghệ và đào tạo, văn hoá và du lịch... Bên cạnh đó tác giả cũng đề cập đến vai trò của Việt Nam trong quan hệ Nga – ASEAN và tác động của quan hệ này tới Việt Nam.

Trên cơ sở nghiên cứu đánh giá nói trên, tác giả nêu lên triển vọng của quan hệ Nga – ASEAN tới năm 2020 và mạnh dạn đề xuất phương hướng nhằm nâng cao hiệu quả hợp tác giữa Nga và ASEAN. Tác giả cũng nêu lên một số kiến nghị để Việt Nam có thể trở thành một nhân tố năng động nhằm thúc đẩy, mở rộng và làm sâu sắc thêm quan hệ Nga – ASEAN.

13. Đề tài: Quan hệ Việt – Mỹ từ 2009 đến nay: thực trạng và triển vọng

Học viên: Đinh Nguyên Đức

Các mối quan hệ song phương giữa Hoa Kỳ và Việt Nam đang ngày càng trở nên sâu sắc và trưởng thành hơn trong vòng 19 năm qua kể từ khi quan hệ ngoại giao giữa hai nước được bình thường hoá vào năm 1995. Quan hệ song phương của Việt Nam – Mỹ tiếp tục phát triển trên nền tảng hữu nghị, tôn trọng lẫn nhau và hợp tác trên một loạt các vấn đề chính trị, kinh tế, nhân đạo và quân sự, với cái nhìn hướng đến những lợi ích lâu dài đối với cả hai quốc gia.

Nghiên cứu chính sách đối ngoại của một nước lớn như nước Mỹ luôn là một bài toán khó mà các nhà hoạch định chính sách Việt Nam bắt buộc phải đi tìm lời giải. Việc đi sâu vào phân tích đánh giá và tìm ra các giải pháp, những chính sách đối ngoại phù hợp là công tác sống còn để Việt Nam có định hướng đối ngoại phù hợp với khu vực, với thế giới nhằm hạn chế tối đa sự ảnh hưởng, sức ép từ bên ngoài, từ các cường quốc đối với các vấn đề nội bộ. Vì vậy, việc chọn đề tài nghiên cứu mối quan hệ Việt - Mỹ từ 2009 đến nay là một đề tài có tính thực tiễn cao và cấp thiết.

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận, luận văn : **“Quan hệ Việt – Mỹ từ 2009 đến nay: thực trạng và triển vọng”** gồm có 3 chương:

Chương 1: Trong chương này tác giả sẽ phân tích những nhân tố chính tác động đến việc hình thành chính sách của hai nước Việt Nam và Hoa Kỳ trong quan hệ với nhau thông qua việc giới thiệu khái quát quan hệ Việt – Mỹ trước năm 2009, tình hình quốc tế và khu vực Châu Á – Thái Bình Dương, đặc biệt là trong giai đoạn 2009 – 2013 cùng với đường lối chính sách và những lợi ích của hai nước mang lại cho nhau, giúp góp phần thúc đẩy quan hệ Việt – Mỹ trong nhiệm kỳ đầu của Tổng thống Obama.

Chương 2: Phần này sẽ đi sâu phân tích chính sách của Việt Nam và Hoa Kỳ trong các lĩnh vực chính trị - ngoại giao, an ninh – quân sự, kinh tế - thương mại, giáo dục – đào tạo ...trong bối cảnh chính sách “quay trở lại châu Á” của chính quyền Obama.. Bên cạnh đó cũng phân tích những vấn đề còn tồn đọng gây ảnh hưởng đến quan hệ hai nước và đánh giá quan hệ Việt - Mỹ từ 2009 đến 2014.

Chương 3: Chương này tập trung nghiên cứu và phân tích các nhân tố thách thức hợp tác Việt Nam – Hoa Kỳ trong tình hình mới của thế giới và khu vực, đặc biệt là trước sự trỗi dậy của Trung Quốc. Từ đó, dự báo triển vọng quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ trong các lĩnh vực mà hai nước cùng hợp tác, đồng thời đưa ra một số kiến nghị của tác giả nhằm thúc đẩy quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ trong nhiệm kỳ 2 của tổng thống Obama.

14. Đề tài: Chính sách của Mỹ đối với Biển Đông từ sau Chiến tranh Lạnh đến nay

Học viên: Đào Tuấn Việt

Biển Đông đang ngày càng quan trọng đối với khu vực và thế giới trên mọi lĩnh vực từ kinh tế đến chính trị, từ tài nguyên khoáng sản đến giao thông vận tải thương mại. Tuy nhiên, các tranh chấp chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán tại Biển Đông cùng với động thái hung hăng của Trung Quốc đã biến vùng biển này trở thành một điểm nóng của thế giới, có khả năng đe dọa trực tiếp đến hoà bình, an ninh khu vực cũng như lợi ích của các quốc gia liên quan, bao gồm cả Mỹ. Ngay từ thời kỳ Chiến tranh Lạnh, người Mỹ đã luôn xác định có lợi ích chiến lược tại Biển Đông khi sử dụng vùng biển này để thực hiện chiến lược vành đai chống cộng sản của mình. Sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, lợi ích chiến lược của Mỹ ở Biển Đông được điều chỉnh và mở rộng bao gồm: tự do hàng hải, duy trì hoà bình ổn định khu vực và ngăn chặn sự nổi lên bá quyền của Trung Quốc. Đặc biệt, vai trò của Biển Đông đã trở nên quan trọng hơn trong chiến lược toàn cầu của Mỹ khi nước này thực hiện kế hoạch xoay trục và tuyên bố có “lợi ích quốc gia” ở vùng biển này.

Chương 1: Các nhân tố chi phối chính sách của Mỹ đối với Biển Đông xác định và phân tích các nhân tố chính chi phối chính sách Biển Đông của Mỹ từ góc nhìn của thuyết Hiện thực mới dựa trên sự so sánh giữa hai trường phái phân tích chính sách đối ngoại cơ bản là Chủ nghĩa Tự do và Chủ nghĩa Hiện thực. Các nhân tố đó là quan niệm về lợi ích của Mỹ trên biển, quan niệm về thách thức đối với các lợi ích của Mỹ và các công cụ và phương thức Mỹ sử dụng để thực hiện lợi ích của mình. Vận dụng thuyết Hiện thực mới, Chương này cũng đưa các giả thiết về hành vi của một quốc gia trong hệ thống quốc tế và xác định các lợi ích quốc gia và mục tiêu chiến lược xuyên suốt trong chiến lược toàn cầu Mỹ.

Chương 2: Chính sách Biển Đông của Mỹ giai đoạn từ 1991 đến 2013. Phần đầu tập trung phân tích chính sách Biển Đông của Mỹ kể từ giai đoạn sau Chiến tranh Thế giới II kết thúc đến hết năm 2013 nhằm chỉ ra được những thay đổi và bất biến trong chính sách của Mỹ. Phần hai, vận dụng kết quả của Chương 1, phân tích sự vận động của các nhân tố chính chi phối chính sách Biển Đông của Mỹ từ sau Chiến tranh Lạnh đến 2013.

Chương 3: Dự báo chính sách của Mỹ đến 2025 và kiến nghị hướng đối sách của Việt Nam. phân tích và dự báo xu hướng vận động của các nhân tố chính tác động đến chính sách Biển Đông của Mỹ trong thời gian tới, đưa ra ba kịch bản cho các trường hợp có thể xảy ra và đề xuất kiến nghị chính sách cho Việt Nam trong công cuộc bảo vệ chủ quyền biển đảo nước nhà.

15. Đề tài: Nhân tố “sức mạnh thông minh” trong chính sách châu Á – Thái Bình Dương của chính quyền Obama nhiệm kỳ 2009 – 2012

Học viên: Luyện thu Hương

Những thay đổi to lớn trong bối cảnh quốc tế đầu thế kỷ XXI khiến các quốc gia ngày càng nhận thức rõ tầm quan trọng của việc triển khai “sức mạnh mềm”. Cao hơn nữa, nước Mỹ đã xây dựng, phát triển và vận dụng tương đối thành công “sức mạnh thông minh”. Trong thực tiễn triển khai chính sách, đây là một phạm trù mới và có thể được lý giải theo hai khía cạnh: một là việc sử dụng, kết hợp sức mạnh một cách thông minh nhất nhằm đạt tối đa các mục tiêu chính sách với chi phí tối thiểu và hai là dạng thức sức mạnh mới được tạo ra từ sự kết hợp hiệu quả giữa “sức mạnh cứng” và “sức mạnh mềm”. Các công trình, bài viết hiện có chưa thật sự đi sâu phân tích một cách khách quan, toàn diện về nội hàm “sức mạnh thông minh” và đặc biệt là việc Mỹ vận dụng sức mạnh này tại CA-TBD. Trong khi đó, việc tiếp cận và phân tích nhân tố “sức mạnh thông minh” trong phạm vi CSDN của Mỹ tại khu vực với những liên hệ tới Việt Nam là hết sức cần thiết.

Một số nội dung chính của luận văn như sau: Chương 1: “Sức mạnh thông minh” là sự kết hợp khôn ngoan giữa “sức mạnh cứng” và “sức mạnh mềm”. Trong bối cảnh quốc tế không thuận lợi, sự trỗi dậy của Trung Quốc ngày càng thách thức và việc vận dụng sức mạnh thông minh trong chính sách đối ngoại của chính quyền Obama đã cho thấy hiệu quả. Chương 2: Một số nội hàm “sức mạnh thông minh” trong chính sách đối ngoại của Mỹ tại khu vực bao gồm: chuyển địa bàn chiến lược; lựa chọn đối tác; lựa chọn công cụ; phương thức triển khai chính sách; chọn các vấn đề và mức độ can thiệp. Xuyên suốt quá trình “tái cân bằng” từ 2009 đến nay, chính quyền Obama đã xây dựng, vận dụng và hoàn thiện “sức mạnh thông minh” từ mọi phương diện. Chương 3: Hai luồng quan điểm chính: (i) “môi trường mang tính bối cảnh”, “tái cân bằng”; (ii) chính sách “tái cân bằng” của Mỹ.

16. Đề tài: Chính sách Châu Á – Thái Bình Dương của Mỹ sau bầu cử 2012

Học viên: Nguyễn Thị Thanh Hương

Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, với tư cách là một siêu cường duy nhất chính sách của Mỹ luôn có ảnh hưởng nhất định đến lợi ích của hầu hết các quốc gia, trong đó có Việt Nam. Việc nghiên cứu chính sách của Mỹ nói chung và chính sách châu Á - Thái Bình Dương nói riêng sẽ có những đóng góp thiết thực đối với Việt Nam bởi vai trò, vị trí của đối tác này.

Ngay sau khi giành chiến thắng trong cuộc bầu cử tổng thống tháng 11/2008, tổng thống da màu đầu tiên trong lịch sử nước Mỹ đã đưa ra một chính sách châu Á – Thái Bình Dương với tên gọi “Xoay trục châu Á” (pivot to Asia). Quá trình triển khai chính sách này trong nhiệm kỳ 2009 – 2012 đã tác động mạnh đến tình hình khu vực trên nhiều phương diện kinh tế, an ninh, chính trị v.v. Chính sách này cũng đã tác động tới không chỉ quan hệ song phương Việt – Mỹ mà còn tới cả các mối quan hệ của Việt Nam với nhiều đối tác khác.

Sau khi tái đắc cử vào nhiệm kỳ 2, tổng thống B. Obama phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức. Trong số đó khó khăn về kinh tế và sự chia rẽ trong nội bộ nước Mỹ có thể coi là những thách thức nghiêm trọng nhất với chính quyền tân tổng thống Obama. Hậu quả của cơn bão khủng hoảng kinh tế từ 2008 như tỷ lệ thất nghiệp cao, vách đá tài chính, tăng trưởng thấp v.v.vẫn chưa được khắc phục. Trong khi đó, mâu thuẫn trong nội bộ nước Mỹ, trước hết là giữa hai đảng Dân chủ (chiếm ưu thế tại Thượng viện) và Cộng hòa (chiếm ưu thế tại Hạ viện), sau bầu cử lại càng trở nên sâu sắc. Để có thể đối phó với những khó khăn, thách thức này, chính quyền Obama khó tránh khỏi việc phải có những điều chỉnh căn bản chính sách kể cả đối nội lẫn đối ngoại. Trong bối cảnh như vậy, rất nhiều câu hỏi thu hút sự quan tâm của giới học giả ở Mỹ cũng như nhiều quốc gia trên thế giới, đơn cử như: Chính quyền Obama sẽ điều chỉnh theo hướng nào; mức độ điều chỉnh ra sao; tính khả thi của những điều chỉnh này thế nào; trong sự điều chỉnh chung đó, liệu chính sách châu Á – Thái Bình Dương sẽ có những thay đổi theo hướng nào v.v. Tìm kiếm câu trả lời cho những câu hỏi trên đang thu hút được sự quan tâm của rất nhiều giới chức và học giả trên thế giới.

Luận văn với đề tài “ **Chính sách châu Á – Thái Bình Dương của Mỹ sau bầu cử 2012**” tập chung nghiên cứu những điều chỉnh trong chính sách châu Á – Thái Bình Dương của chính quyền Obama từ sau năm 2012, trong bối cảnh nước Mỹ nói riêng và thế giới nói chung đang trải qua những biến động sâu sắc. Trên cơ sở đó đưa ra một số dự báo về chính sách xoay trục châu Á của Mỹ sau 2016, với hy vọng góp phần giúp các nhà hoạch định chính sách có một cái nhìn tổng thể và rõ ràng hơn về chính sách của Mỹ đối với châu Á – Thái Bình Dương nói chung và chính sách đối với Việt Nam nói riêng.

17. Đề tài: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong tiến trình hội nhập quốc tế: Thực trạng và những vấn đề đặt ra

Học viên: Trần Hoài Minh

Quan hệ đối ngoại, hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển là nguyện vọng chung của nhân loại. Trong khi đó, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, tổ chức chính trị xã hội của thanh niên Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện, có vai trò gì trong tiến trình hội nhập quốc tế của Việt Nam, phải làm thế nào để có thể thu hút được thanh niên tham gia đầy đủ và toàn diện trong tiến trình hội nhập quốc tế, cũng như những khó khăn, thách thức và Đoàn TNCS Hồ Chí Minh gặp phải trong tiến trình trên? Để trả lời câu hỏi trên, tác giả lựa chọn đề tài trên để có thể phần nào trả lời được những thắc mắc cũng như nêu lên được một số phương hướng nhằm nâng cao hội nhập quốc tế của Đoàn.

Chương 1: Một số quan điểm về hội nhập quốc tế và vai trò của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh

Một vài nét khái quát về hội nhập quốc tế cũng như những quan điểm cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam về hội nhập quốc tế. Ngoài ra, chương 1 đề cập đến vai trò của thanh niên Việt Nam trong hội nhập quốc tế và vị trí, vai trò cũng như những quan điểm cơ bản của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong hội nhập quốc tế của Việt Nam.

Chương 2: Thực trạng và những vấn đề đặt ra trong tiến trình hội nhập quốc tế của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh

Chương 2 của luận văn tập trung đề cập khái quát về hội nhập quốc tế của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh từ năm 1931 đến nay; các nội dung công tác hội nhập quốc tế của Đoàn từ năm 2007 đến nay; các vấn đề đặt ra trong tiến trình hội nhập quốc tế của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh

18. Đề tài: Quan hệ Đối tác chiến lược Việt Nam - Ấn Độ: Thực trạng và Triển vọng

Học viên Nguyễn Quang Trung

Sau Chiến tranh Lạnh, trật tự lưỡng cực tan vỡ, diện mạo trật tự thế giới có nhiều thay đổi, các cường quốc khu vực, trong đó có Ấn Độ nổi lên và có ảnh hưởng lớn đến đời sống chính trị quốc tế. Việt Nam và Ấn Độ có nhiều điểm tương đồng về lịch sử, văn hóa và một số vấn đề chiến lược, nhất là an ninh hàng hải ở Biển Đông. Tháng 7/2007, Thủ tướng Việt Nam và Ấn Độ nhất trí nâng tầm quan hệ hai nước lên mức quan hệ đối tác chiến lược. Vì vậy, việc thường xuyên nghiên cứu và phát triển mối quan hệ này có ý nghĩa, vai trò đặc biệt quan trọng đối với Việt Nam.

Nội dung chính của luận văn là nghiên cứu các cơ sở nền tảng của việc thiết lập quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - Ấn Độ; đánh giá thực trạng của mối quan hệ này từ năm 2007 đến nay, làm rõ kết quả đạt được cũng như những hạn chế, tồn tại trong 5 nội dung hợp tác như chính trị - ngoại giao, thương mại - đầu tư - viện trợ, văn hóa - đào tạo nguồn nhân lực - khoa học công nghệ, quốc phòng - an ninh. Phân tích các nguyên nhân dẫn tới các hạn chế, tồn tại trong quan hệ hai nước, nhất là hợp tác đầu tư. Đánh giá tác động của chính sách “Hướng Đông”, vấn đề Biển Đông đến quan hệ hai nước. Nhìn chung, qua 7 năm triển khai thực hiện, quan hệ hai nước không ngừng được củng cố, đạt hiệu quả thiết thực, góp phần thực hiện thắng lợi đường lối đối ngoại của Việt Nam.

Trên cơ sở đánh giá các nhân tố bên ngoài, bên trong có tác động đến quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - Ấn Độ, luận văn dự báo triển vọng quan hệ hai nước đến năm 2020; kiến nghị các giải pháp phát triển quan hệ hai nước, nhằm tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của Ấn Độ đối với Việt Nam. Luận văn có giá trị tham khảo tốt trong nghiên cứu quan hệ hợp tác Việt Nam - Ấn Độ.

19. Đề tài: Giao thoa văn hóa trong thời kỳ hội nhập quốc tế ở Việt Nam

Học viên: Ngô Thị Tuyết Lan

Một nền văn hóa muốn chủ động giao lưu, giao thoa văn hóa một cách tích cực thì trước hết nền văn hóa đó phải có nội lực, có bản lĩnh văn hóa của mình. Bản lĩnh văn hóa đó được tạo nên do những giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc. Trong giao lưu, tiếp biến, giao thoa văn hóa để không đánh mất mình thì nền văn hóa đó không chỉ phải khẳng định bản sắc văn hóa của mình mà còn phải hợp tác sâu rộng vào đời sống văn hóa quốc tế, để từ đó chọn lọc, tiếp thu, tiếp biến những giá trị tinh hoa văn hóa nhân loại để làm giàu thêm, phong phú thêm bản sắc văn hóa dân tộc, từ đó đưa nền văn hóa của mình phát triển đi lên. Muốn có cơ sở khoa học và thực tiễn để thực hiện được điều đó, việc nghiên cứu một cách khoa học về những vấn đề liên quan đến văn hóa, hội nhập văn hóa, giao thoa văn hóa là một việc làm cần thiết. Đó là lý do học viên chọn đề tài **“Giao thoa văn hóa trong thời kỳ hội nhập quốc tế ở Việt Nam”**.

Qua nghiên cứu giao thoa văn hóa thời kỳ hội nhập, dựa trên các luận cứ khoa học, tác giả đề xuất các giải pháp đẩy mạnh các hoạt động giao thoa văn hóa và hội nhập văn hóa quốc tế để đạt được mục tiêu mà Đảng đã đề ra.

Tuy nhiên, văn hóa là một khái niệm có nội hàm rộng, và đời sống văn hóa xã hội bao gồm nhiều thành tố, nhiều thiết chế phong phú và đa dạng. Để duy trì, gìn giữ và phát triển văn hóa dân tộc, để cho văn hóa thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển thì không chỉ đặt ra yêu cầu và khẳng định vai trò lãnh đạo, định hướng của Đảng, vai trò quản lý nhà nước của Chính phủ mà còn cần sự tham gia tích cực, nhập thân văn hóa của mọi tầng lớp và các thế hệ người dân. Chỉ có như vậy, thì định hướng xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc mới mong thành tựu.

20. Đề tài: Chính sách châu Phi của Trung Quốc và bài học cho Việt Nam

Học viên: Lại Thùy Giang

Trải qua các cuộc chiến đầy căng thẳng, thế giới chuyển từ đơn cực sang đa cực; hòa bình, hợp tác, phát triển vẫn là xu thế lớn. Xu hướng thâm nhập, mở rộng thị trường, đặt trong bối cảnh toàn cầu hóa, đặc biệt là toàn cầu hóa kinh tế sâu rộng như hiện nay, trở thành một nhu cầu phát triển cực kỳ quan trọng phục vụ cho mục đích chính trị của các nền kinh tế. Trung Quốc là một trong những nền kinh tế mới nổi nổi bật nhất trong nhóm BRICS. Với sức mạnh kinh tế của mình, Trung Quốc đang dần thay đổi chiến lược phục vụ cho mục tiêu bá chủ thế giới, soán ngôi siêu cường số 1 của Mỹ và tìm cách đóng vai trò chi phối quan hệ quốc tế, qua đó kiềm chế các đối thủ cạnh tranh tiềm tàng, ngăn cản các cường quốc khác nổi lên thách thức vai trò và lợi ích của Trung Quốc. Chiến lược của Trung Quốc là nhằm tìm kiếm các nguồn tài nguyên thiên nhiên, mở rộng thị trường để phát triển kinh tế. Châu Phi là châu lục đứng thứ ba trên thế giới về dân số và diện tích, có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú và một thị trường đầy tiềm năng, đang trở thành điểm đến thu hút nhiều nhà đầu tư lớn và nơi đây có xu hướng trở thành điểm cạnh tranh nóng bỏng giữa phương Tây và Trung Quốc. Việc thâm nhập sâu rộng vào “Lục địa đen” không chỉ giúp Trung Quốc thỏa mãn nhu cầu về tài nguyên thiên nhiên của mình mà còn giúp đất Trung Quốc tăng cường ảnh hưởng và vị thế của mình tại khu vực này cũng như trên trường quốc tế. Sự thành công của Trung Quốc là kinh nghiệm quý báu để Việt Nam xem xét chính sách của mình đối với châu Phi, khai thác thế mạnh và xâm nhập vào thị trường đầy tiềm năng này một cách hiệu quả nhất.

Chương 1: Châu Phi và Chính sách châu Phi của Trung Quốc trước thế kỉ XXI. Chương này đề cập đến cái nhìn tổng quan về châu Phi và chủ nghĩa châu Phi của Trung Quốc trong lịch sử cũng như trong thời đại mới, từ đó làm cơ sở hình thành cho chính sách châu Phi của Trung Quốc kể từ thế kỉ XXI nhằm tiếp cận vào lục địa này.

Chương 2: Thực trạng chính sách châu Phi của Trung Quốc những năm đầu thế kỉ XXI. Đây là chương tập trung làm rõ những lí do tại sao Trung Quốc muốn chinh phục châu Phi và tình hình thực hiện chính sách châu Phi của Trung Quốc trên thực tế tại lục địa này, qua đó thấy được những vấn đề còn tồn tại của Trung Quốc khi thực hiện chính sách này.

Chương 3: Khả năng phát triển chính sách châu Phi của Trung Quốc trong thời gian tới và bài học cho Việt Nam. Từ việc đánh giá những kết quả mà Trung Quốc đạt được và chưa đạt được trong chính sách của mình tới châu Phi, ảnh hưởng của nó đến trật tự quan hệ quốc tế, sẽ đưa ra những dự đoán đối với chính sách châu Phi của Trung Quốc trong thời gian tới.

21. Đề tài: Thách thức và cơ hội cho Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào trong tiến trình hình thành Cộng đồng kinh tế ASEAN vào năm 2015.

Học viên: Phiengphimonh OUDOMDETH

Là một trong 3 trụ cột của Cộng đồng ASEAN được thông qua tại Hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ 9 vào năm 2003, Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) dự kiến sẽ được thành lập vào cuối năm 2015. Đây được coi như là một bước ngoặt, đánh dấu sự hội nhập toàn diện của các nền kinh tế Đông Nam Á. AEC sẽ hòa trộn nền kinh tế của 10 quốc gia thành viên thành một khối sản xuất thương mại và đầu tư, tạo ra thị trường chung của khu vực. Thời hạn hình thành AEC đang đến gần, trong khi đó những khó khăn và trở ngại trên con đường tiến tới Cộng đồng này vẫn đang hiện hữu đối với tất cả các nước thành viên, trong đó có nước CHDCND Lào. Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu sâu hơn về Cộng đồng Kinh tế ASEAN sẽ giúp tìm ra mô hình hợp tác kinh tế CHDCND Lào và Cộng đồng ASEAN, nhằm đạt được lợi ích cao nhất và giảm thiểu tối đa những tác động tiêu cực do quá trình này đem lại.

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận, luận văn “**Thách thức và cơ hội cho Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào trong tiến trình hình thành Cộng đồng kinh tế Asean vào năm 2015**” gồm có 3 chương:

Chương 1: Nêu khái quát tiến trình hình thành Cộng đồng Kinh tế ASEAN và sự tham gia của CHDCND Lào.

Chương 2: Trong những năm vừa qua, CHDCND Lào đã tiến hành phát triển kinh tế-xã hội về mọi mặt. Do vậy, ở chương này sẽ nêu lên những cơ hội và thách thức đối với CHDCND Lào trong quá trình tham gia xây dựng Cộng đồng Kinh tế ASEAN.

Chương 3: Nêu lên một số vấn đề đặt ra đối với Lào sau khi hình thành Cộng đồng Kinh tế ASEAN sau năm 2015 (sau khi hình thành AEC).

22. Đề tài: Quá trình Việt Nam tham gia vào một số cơ chế của Liên Hợp Quốc từ sau chiến tranh lạnh đến nay

Học viên: Nguyễn Hồng Liên

Bước vào thế kỷ XXI, tình hình thế giới đã thay đổi một cách cơ bản có tính chất bước ngoặt. Sự phát triển như vũ bão của cách mạng khoa học công nghệ, xu thế toàn cầu hóa cũng như sự xuất hiện của những vấn đề toàn cầu như đói nghèo, vũ khí hạt nhân, biến đổi khí hậu – những vấn đề mà không một quốc gia riêng lẻ nào có thể tự giải quyết – đã khiến cho vai trò của các tổ chức quốc tế ngày càng được khẳng định. Liên Hợp Quốc, tổ chức quốc tế lớn nhất hành tinh, sau gần 70 năm xây dựng và phát triển, Liên Hợp Quốc đã nỗ lực chứng tỏ vai trò quan trọng của mình cho một thế giới an ninh, hòa bình và thịnh vượng.

Qua các văn kiện Đại hội Đảng VII, VIII, IX, X đã cho thấy Việt Nam ngày càng chủ động đổi mới tư duy đối ngoại, chú trọng đến việc hội nhập quốc tế. Đặc biệt, Việt Nam nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của việc tham gia tích cực vào một số cơ chế của Liên Hợp Quốc trong việc xây dựng và phát triển đất nước.

Luận văn với đề tài “***Quá trình Việt Nam tham gia vào một số cơ chế của Liên Hợp Quốc từ sau chiến tranh lạnh đến nay***” hy vọng sẽ là một đóng góp vào việc cung cấp luận cứ khoa học cho xây dựng một chiến lược phát triển quan hệ của Việt Nam với Liên Hợp Quốc thời kỳ hội nhập và phát triển.

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận, luận văn gồm có 03 chương:

Chương 01: Khái quát tổng thể về Liên Hợp Quốc; phân tích vai trò của Liên Hợp Quốc với những nước vừa và nhỏ, tóm tắt quan hệ giữa Việt Nam và Liên Hợp Quốc.

Chương 02: Phân tích thực trạng quá trình tham gia và đóng góp của Việt Nam tại các cơ quan chính, các chương trình, quỹ trực thuộc, các tổ chức chuyên môn của Liên Hợp Quốc cũng như những nỗ lực của Việt Nam trong việc giải quyết một số vấn đề toàn cầu của Liên Hợp Quốc. Từ đó chứng minh những đóng góp ngày càng tích cực của Việt Nam cho sự phát triển, hòa bình, an ninh của nhân loại.

Chương 03: Đánh giá những thành tựu, khó khăn hạn chế và triển vọng tham gia của Việt Nam tại các cơ chế của Liên Hợp Quốc. Dựa trên những nghiên cứu đưa ra đánh giá khoa học và đề xuất giải pháp nhằm tăng cường hơn nữa chất lượng, hiệu quả tham gia của Việt Nam tại một số cơ chế Liên Hợp Quốc.

23. Đề tài: Vai trò của Hội đồng Liên Nghị viện các quốc gia Đông Nam Á (AIPA) đối với tiến trình xây dựng Cộng đồng ASEAN

Học viên: Phạm Thị Ngọc Hà

Tác giả quyết định chọn đề tài **“Vai trò của Hội đồng Liên Nghị viện các quốc gia Đông Nam Á (AIPA) đối với tiến trình xây dựng Cộng đồng ASEAN”** làm luận văn thạc sĩ chuyên ngành Quan hệ Quốc tế để giải đáp một số câu hỏi sau: Trong bối cảnh thời hạn hoàn thành xây dựng Cộng đồng ASEAN vào năm 2015 đang đến gần, vấn đề đặt ra là: AIPA, tổ chức liên nghị viện duy nhất của khu vực đóng vai trò như thế nào đối với việc xây dựng Cộng đồng ASEAN? Mối liên hệ giữa AIPA và ASEAN như thế nào? Triển vọng của AIPA như thế nào sau khi hình thành Cộng đồng ASEAN? Luận văn gồm 3 chương.

Chương 1: Khái quát chung về AIPA và Cộng đồng ASEAN. Chương này đề cập một cách khái quát quá trình hình thành và phát triển, chức năng cơ bản của AIPA, đồng thời nêu các mục tiêu chính của Cộng đồng ASEAN nói chung và các mục tiêu cụ thể của ba trụ cột Cộng đồng An ninh - Chính trị ASEAN, Cộng đồng Kinh tế ASEAN và Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN nói riêng.

Chương 2: Những đóng góp của AIPA đối với Cộng đồng ASEAN. Đây là chương chính của Luận văn, trên cơ sở phân tích sự đóng góp của AIPA đối với ASEAN, từ đó đánh giá chung về những đóng góp của AIPA đối với tiến trình xây dựng Cộng đồng ASEAN, đối với từng trụ cột của ASEAN. Đồng thời chỉ ra những hạn chế của AIPA đối với việc thực hiện các mục tiêu của ASEAN.

Chương 3: Triển vọng vai trò của AIPA đối với Cộng đồng ASEAN và một số kiến nghị. Đây là chương kết của luận văn. Ở phần này, Luận văn dự báo xu hướng phát triển của cơ chế hợp tác liên nghị viện hướng tới việc xây dựng Cộng đồng ASEAN và sau khi trở thành Cộng đồng ASEAN; đồng thời, kiến nghị giải pháp nhằm nâng cao vai trò và hiệu quả hoạt động của AIPA.

24. Đề tài: Sự chuyển dịch quyền lực trong nền chính trị quốc tế đương đại

Học viên: Vũ Văn Anh

Theo nhận định của PGS.TS Hoàng Khắc Nam bàn về quyền lực, khoa QHQT trường đại học khoa học xã hội và nhân văn, ĐHQGHN, “Quyền lực được coi là bản chất, là ‘máu của sự sống’ đối với chính trị quốc tế. Tranh giành quyền lực cũng được coi là nguyên nhân cơ bản dẫn đến chiến tranh và xung đột trong lịch sử. Không chỉ là thực tế lớn trong quan hệ quốc tế, quyền lực còn là lý luận trung tâm của Chủ nghĩa Hiện thực và mối quan tâm hàng đầu của nhiều lý thuyết khác. Việc tìm hiểu quyền lực còn có ý nghĩa phương pháp luận khi cho phép đoán định được diễn biến tiếp theo và kết quả của nhiều tương tác. Bởi tầm quan trọng cả về thực tiễn và lý luận như vậy, quyền lực đã trở thành một vấn đề trung tâm trong nghiên cứu quan hệ quốc tế”. Như vậy, có thể thấy rằng Quyền lực luôn là vấn đề được chú ý nghiên cứu.

Chiến tranh lạnh kết thúc cùng với sự sụp đổ của hệ thống hai cực Yalta với quyền lực tập trung ở hai siêu cường Liên Xô – Mỹ mở ra hệ thống đương đại. Thế giới đương đại hơn 20 năm qua vẫn không ngừng vận động và đã có những thay đổi căn bản khiến quyền lực tiếp tục bị chuyển dịch. Có 2 quá trình chuyển dịch quyền lực đang diễn ra trong hệ thống đương đại đó là (i) chuyển giao quyền lực giữa các quốc gia, cụ thể hơn là từ siêu cường Mỹ sang một hay nhiều các cường quốc khác và (ii) phân tán quyền lực giữa các chủ thể quốc gia và phi quốc gia. Luận văn **“Sự chuyển dịch quyền lực trong nền chính trị quốc tế đương đại”** đưa ra phương pháp tiếp cận về quyền lực có tính thống nhất xuyên suốt luận văn, chỉ ra những điều kiện dẫn tới chuyển dịch quyền lực và từ đó đi sâu phân tích, làm rõ hai quá trình chuyển giao và phân tán quyền lực. Tóm lại, nhận thức về quyền lực đang được chuyển dịch, quá trình chuyển dịch đó ra sao, mức độ chuyển dịch trong tương lai như thế nào có ý nghĩa quan trọng cung cấp một cái nhìn bao quát, rõ nét hơn về những gì đang diễn ra trong quan hệ quốc tế đương đại.

Bên cạnh đó, Việt Nam là một quốc gia vừa và nhỏ trong hệ thống phải chịu tác động của sự chuyển dịch quyền lực đang diễn ra, việc nhận thức về quá trình chuyển dịch này có ý nghĩa thực tiễn đối với Việt Nam trong việc hoạch định chính sách.

25. Đề tài: Chuyển dịch quyền lực ở Đông Á từ 2001 đến nay

Học viên: Nguyễn Thị Minh Ngọc

Bối cảnh thế giới kể từ sau Chiến tranh Lạnh có nhiều biến động lớn, đặc biệt từ sau vụ khủng bố 11/9/2001. Chính quyền G. Bush thời kỳ này đã lợi dụng chiến dịch chống khủng bố để tái hiện diện và tham gia vào khu vực Đông Á, nhất là Đông Nam Á. Tuy nhiên, không chỉ có Mỹ mà ngày càng nhiều các cường quốc thế giới trong đó có Nga, Nhật Bản, Ấn Độ, Úc và EU cũng ngày càng thể hiện sự quan tâm đến khu vực này. Điều này đã làm dấy lên mối quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu quốc tế khi nghiên cứu về chuyển dịch quyền lực trong quan hệ quốc tế nói chung, mà vấn đề hay được đề cập đó là sự chuyển dịch quyền lực từ Tây sang Đông nói chung và đến cũng như xảy ra khu vực Đông Á nói riêng.

Trong bối cảnh trên, việc nghiên cứu vấn đề này và chỉ ra nét đặc trưng của chuyển dịch quyền lực ở Đông Á mang ý nghĩa thực tiễn đối với sự phát triển và an ninh chung của khu vực và thế giới, và Việt Nam cũng không nằm ngoài “guồng quay” của sự thay đổi này. Vì vậy, luận văn **“Chuyển dịch quyền lực ở Đông Á từ 2001 đến nay”** tập trung nghiên cứu những luận điểm lớn sau: **Thứ nhất**, khái quát lại nội dung cơ bản của hệ thống lý luận về chuyển dịch quyền lực trong quan hệ quốc tế, nhận định về tầm quan trọng của việc phân tích và so sánh lý thuyết này với thực tiễn chuyển dịch quyền lực trong lịch sử. **Thứ hai**, từ lý thuyết này quán chiếu với thực trạng chuyển dịch quyền lực diễn ra ở khu vực. Nhận định chung cho thấy, đối lập với sự suy yếu tương đối Mỹ và các nước phương Tây đã và đang phải khắc phục khó khăn trong và sau khủng hoảng kinh tế tài chính thế giới 2008, nguyên nhân khiến Đông Á là tâm điểm của “dòng thác” chuyển dịch quyền lực hai chiều đó là việc: **Thứ nhất**, khu vực này nổi lên phát triển năng động nhất thế giới về kinh tế, trong đó Trung Quốc là động lực tăng trưởng của khu vực và được ví như “công xưởng thế giới”; **Thứ hai**, vai trò chính trị Đông Á ngày càng lớn trên trường quốc tế, cũng như không thể không đề cập đến vị thế ngày càng được đánh giá cao của ASEAN; **Thứ ba**, đó là sự ổn định về chính trị nói chung nhưng tiềm ẩn mối nguy cơ an ninh từ các điểm nóng khu vực. Ở chiều quyền lực đổ về cho thấy sức hút quyền lực tăng lên ở khu vực: chính quyền Obama tái khẳng định sự can dự vào khu vực thông qua chính sách Tái cân bằng về khu vực CA-TBD; Ấn Độ và Nga đẩy mạnh chính sách hướng đông; một số cường quốc khác khả tỏ ra quan tâm hơn đến Đông Á với những mưu đồ riêng. Bên cạnh đó, việc này lại ảnh hưởng tới an ninh và phát triển của ASEAN, trong đó có Việt Nam. Rõ ràng là quá trình này cũng có những tác động thuận và nghịch đối với sự phát triển, an ninh cũng như trật tự quyền lực ở Đông Á. **Cuối cùng**, trên cơ sở nghiên cứu, dự báo về xu hướng của quá trình chuyển dịch quyền lực ở khu vực kể từ 2001, tác giả cũng mạnh dạn đề xuất một số biện pháp chính sách đối ngoại cụ thể đối với Việt Nam, nhằm tránh những tác động tiêu cực từ quá trình này, và nhằm nâng cao vai trò, vị thế của Việt Nam trên sân khấu quan hệ quốc tế trong những năm đầu thế kỷ XXI.

26. Đề tài: Tác động của chiến lược Tái cân bằng của Mỹ đối với châu Á – Thái Bình Dương đến việc xử lý tranh chấp biển đảo tại Đông Á

Học viên: Nguyễn Minh Phương

Mỹ đưa ra tuyên bố chính thức về chiến lược Xoay trục (sau được đổi lại là Tái cân bằng châu Á) vào tháng 11-2011. Chiến lược tăng cường can dự và hiện diện ở châu Á – Thái Bình Dương của chính quyền Obama nhằm thực hiện các mục đích sau: *thứ nhất*, đặt châu Á – Thái Bình Dương trở thành trọng tâm chính trong chính sách đối ngoại của Mỹ; *thứ hai*, coi châu Á – Thái Bình Dương là cứu cánh, giúp phát triển sức mạnh Mỹ, giúp Mỹ tiếp tục duy trì vị thế cường quốc số một trong thế kỷ 21; *thứ ba*, nhằm can dự nhiều hơn vào khu vực, ngăn không để sự trỗi dậy của Trung Quốc thách thức và đe dọa lợi ích của Mỹ. Chính quyền Obama đã triển khai chiến lược này trên tất cả các phương diện: kinh tế, chính trị, an ninh. Sự ra đời của chiến lược *Tái cân bằng* đối với châu Á – Thái Bình Dương của Mỹ có tác động mạnh mẽ đến các nước trong khu vực Đông Á cũng như đến việc giải quyết các tranh chấp biển đảo tại khu vực này.

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận, luận văn gồm có 3 chương:

Chương 1: Tổng quan về Chiến lược Tái cân bằng của Mỹ đối với châu Á – Thái Bình Dương: Trong chương này, học viên xin trình bày về các cơ sở hoạch định, những mục tiêu chính, cách thức thực hiện chiến lược trên các mặt quân sự, ngoại giao, kinh tế và đánh giá thành công cũng như hạn chế của chiến lược Tái cân bằng sang châu Á – Thái Bình Dương của Mỹ.

Chương 2: Ảnh hưởng của chiến lược Tái cân bằng đến tranh chấp biển đảo tại Đông Á: Chương này đưa ra cái nhìn khái quát về tầm quan trọng của vấn đề biển đảo, thực trạng tranh chấp và những diễn biến chính tại Biển Hoa Đông, Biển Đông trước khi chiến lược Tái cân bằng sang châu Á – Thái Bình Dương của Mỹ ra đời (giới hạn từ 2009 đến năm 2011). Trên cơ sở những nội dung đã trình bày ở chương 1 và phần đầu chương 2, đứng từ góc độ Việt Nam, học viên xin tập trung phân tích những tác động thuận và nghịch của chiến lược này đến việc xử lý tranh chấp tại Biển Hoa Đông và Biển Đông.

Chương 3: Dự báo chiến lược Tái cân bằng của Mỹ và khả năng tác động của chiến lược đến tranh chấp biển đảo tại Đông Á trong tương lai: Chương này trình bày các nhân tố tác động đến tương lai của chiến lược. Trên cơ sở đó, học viên xin đưa ra 3 kịch bản về triển vọng của chiến lược. Về khả năng tác động của chiến lược này đến việc xử lý tranh chấp biển đảo tại Đông Á, căn cứ vào chính sách của Trung Quốc đối với Biển Đông, đảo Điếu Ngư/ Senkaku và các cơ chế giải quyết tranh chấp hiện có, học viên xin nêu ra 3 kịch bản bao gồm, xung đột vũ trang, giải quyết hòa bình thông qua đàm phán ngoại giao và giữ nguyên hiện trạng.

27. Đề tài: Khủng hoảng nợ công châu Âu và tác động của nó đến quan hệ EU – Việt Nam.

Học viên: Nguyễn Song Ninh

Mặc dù Việt Nam mới chỉ đặt quan hệ với Liên minh châu Âu (EU) chưa lâu, nhưng mối quan hệ Việt Nam - EU đã và đang có những bước phát triển tích cực và toàn diện. Hiện tại EU là một trong những đối tác thương mại quan trọng của Việt Nam với thị trường xuất khẩu lớn, giàu tiềm năng. Bên cạnh đó, các quốc gia trong liên minh Châu Âu hàng năm vẫn liên tục gia tăng nguồn đầu tư trực tiếp vào Việt Nam. Ngoài ra, EU còn là nhà tài trợ cho nhiều dự án đào tạo nguồn nhân lực, phát triển hệ thống an sinh xã hội. Vì vậy, sự hợp tác với EU đã và đang góp phần quan trọng trong việc tăng trưởng và thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của Việt Nam.

Tuy nhiên trong một vài năm trở lại đây, các quốc gia thuộc EU đang phải đối mặt với cuộc khủng hoảng nợ công lớn nhất trong lịch sử châu Âu. Cuộc khủng hoảng đã khiến cho bốn quốc gia thuộc EU là Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Ai-len và Hy Lạp lâm vào tình trạng suy thoái kinh tế nặng nề, tỷ lệ thất nghiệp và tình hình bất ổn xã hội gia tăng. Trong khi đó, các nước còn lại thuộc liên minh châu Âu cũng đang gặp phải những khó khăn về kinh tế. Trong bối cảnh đó, cuộc khủng hoảng nợ công đã gây ra những ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến mối quan hệ giữa EU và Việt Nam.

Mặc dù đã có một số các công trình nghiên cứu về cuộc khủng hoảng nợ công đang diễn ra tại châu Âu. Tuy nhiên, đa phần trong số đó là các nghiên cứu rời rạc, nhỏ lẻ, hoặc chỉ dừng lại ở mức tham khảo thông tin chứ chưa đi sâu vào phân tích nguyên nhân, kết quả và thực trạng của cuộc khủng hoảng nợ công tại châu Âu. Chính vì vậy tác giả đã lựa chọn đề tài: **”Khủng hoảng nợ công châu Âu và tác động của nó đến quan hệ EU – Việt Nam”**, nhằm mục đích phân tích những tác động, ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng nợ công châu Âu tới mối quan hệ giữa EU và Việt Nam cũng như những rủi ro tiềm ẩn về nguy cơ lây lan của cuộc khủng hoảng nợ công tới nền kinh tế Việt Nam.

Đề tài đã đi sâu vào phân tích thực trạng của cuộc khủng hoảng nợ công tại châu Âu, từ đó tìm ra nguyên nhân, cơ chế truyền dẫn và hậu quả cuộc khủng hoảng nợ công tại châu Âu. Trên cơ sở đó đề tài đã phân tích các tác động của cuộc khủng hoảng nợ công châu Âu tới mối quan hệ EU – Việt Nam trên các phương diện Kinh tế, Chính trị, Văn hóa và Xã hội. Đồng thời đề tài cũng chỉ ra các nguyên nhân và nguy cơ tiềm ẩn việc lây lan của cuộc khủng hoảng nợ công sang Việt Nam. Trên cơ sở đó, đề tài đã đưa ra hai nhóm giải pháp chính bao gồm nhóm giải pháp thúc đẩy tăng cường quan hệ EU – Việt Nam trong giai đoạn khủng hoảng nợ công và nhóm giải pháp ngăn ngừa sự lây lan của cuộc khủng hoảng nợ công tới Việt Nam trong tương lai.

28. Đề tài: Vai trò của Công nghệ Thông tin trong Hoạt động Đối ngoại của Việt Nam

Học viên: Nguyễn Chí Thắng

Sau đổi mới đến nay, tình hình thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng ngày càng mở rộng về nhiều lĩnh vực. Đất nước đã chuyển sang một giai đoạn phát triển mới với những biến chuyển quan trọng trong đời sống chính trị, kinh tế, xã hội. Hoạt động đối ngoại có ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị, đòi hỏi sự tham gia của tất cả các cấp, các ngành. Hoạt động ngoại giao không chỉ dừng lại ở một địa giới hành chính mà mang tính toàn cầu hóa cao, ảnh hưởng đến nhiều lĩnh vực trong xã hội. Công nghệ Thông tin là một trong những vấn đề rất được quan tâm và là thách thức lớn đối với các nước có nền kinh tế và khoa học công nghệ phát triển. Nỗ lực vươn lên trở thành một trong những nước có ngành Công nghệ thông tin phát triển hàng đầu trong khu vực, Việt Nam đã đầu tư khá nhiều nhân lực cũng như kinh tế, trở thành một công cụ hỗ trợ đắc lực và hiệu quả cho công tác đối ngoại của nước nhà trong những năm vừa qua, đạt được nhiều thành tựu to lớn.

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận, luận văn “**Vai trò của Công nghệ thông tin trong đối ngoại Việt Nam**” gồm có 3 chương:

Chương 1: Chương này đưa ra cái nhìn tổng quát về các đặc điểm công tác Ngoại giao hiện đại, nêu ra những ảnh hưởng của hoạt động Đối ngoại với Công nghệ thông tin và vai trò, ý nghĩa của Công nghệ Thông tin trong hoạt động đối ngoại, nêu ra những tác động tích cực của CNTT đến đời sống xã hội, kinh tế, và nét sơ lược về những chuyển biến quan trọng của đất nước sau thời kì đổi mới.

Chương 2: Đánh giá vai trò của Công nghệ thông tin trong hoạt động Đối ngoại của Việt Nam hiện nay. Chương này sẽ tập trung nghiên cứu và phân tích chính sách đối ngoại của Việt Nam qua các kì đại hội, bên cạnh đó đưa ra những dẫn chứng để khẳng định vai trò, vị trí của CNTT trong đối ngoại, là công cụ hỗ trợ tích cực cho Ngoại giao nhiều năm vừa qua. Ngoài ra luận văn sẽ nêu một số đánh giá về những ảnh hưởng và nguy cơ sẽ gặp phải khi ứng dụng công nghệ trong hoạt động chính trị, đề cao tính cảnh giác và ý thức của con người khi bước vào thời kì “ Ngoại giao số”.

Chương 3: Giải pháp nhằm tăng cường vai trò của CNTT đối với Hoạt động Đối ngoại Việt Nam (đến 2020). Dựa trên những phân tích ở trên, chương cuối này tập trung đưa ra các nhóm giải pháp giúp nâng cao ứng dụng và phát triển CNTT trong Đối ngoại, phối hợp triển khai với các Bộ, Ngành, tăng cường hợp tác quốc tế.

29. Đề tài: Sự điều chỉnh chính sách của Mỹ đối với Mi-an-ma từ 2009 đến 2013

Học viên: Nguyễn Thị Thùy Dung

Trong bối cảnh hiện nay khi châu Á – Thái Bình Dương tiếp tục là địa bàn cạnh tranh ảnh hưởng của các nước lớn và xu hướng liên kết, tập hợp lực lượng đang ngày càng trở thành nhân tố chính trong chính sách đối ngoại của các nước lớn khi can dự vào khu vực này, chiến lược chuyển trọng tâm sang châu Á - Thái Bình Dương của Mỹ thu hút sự quan tâm của các nước trên thế giới vì những chuyển động của chính sách này sẽ có ảnh hưởng nhất định đến chính sách của các nước, tình hình an ninh khu vực, trong đó có Việt Nam.

Một loạt các động thái của Mỹ trong đó có việc điều chỉnh chính sách đối với Mi-an-ma đã tạo bước đệm để Mỹ thực hiện chính sách can dự toàn khu vực. Những bước chuyển trong chính sách đối với Mi-an-ma đã mang lại những tác động tích cực đối với quan hệ song phương, quan hệ giữa Mỹ với ASEAN và giữa Mỹ với các đồng minh, đối tác trong khu vực. Trong thời gian tới, quan hệ Mỹ và Mi-an-ma sẽ tiếp tục có những diễn biến mới và khó dự báo, đặc biệt sau thời điểm Mi-an-ma tiến hành tổng tuyển cử năm 2015. Do vậy, việc nghiên cứu chính sách của Mỹ đối với Mi-an-ma, đặc biệt là những nhân tố tác động đến việc Mỹ điều chỉnh chính sách với Mi-an-ma mang tính thời sự cao và thật sự cấp thiết trước chuyển biến nhanh trong quan hệ giữa hai nước.

Luận văn “Sự điều chỉnh chính sách của Mỹ đối với Mi-an-ma từ 2009 đến 2013” gồm 3 chương:

Chương 1: Những nhân tố tác động việc Mỹ điều chỉnh chính sách đối với Mi-an-ma. Chương 1 khái quát về đặc điểm tình hình thế giới và khu vực châu Á – Thái Bình Dương; những thay đổi về chính sách đối nội và đối ngoại của Mi-an-ma thời gian gần đây; chính sách của các nước trong khu vực đối với Mi-an-ma (trong đó nhấn mạnh đến chính sách của Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ và ASEAN đối với Mi-an-ma).

Chương 2: Chính sách của Mỹ đối với Mi-an-ma từ 2009 đến 2013. Chương này khái quát chính sách của Mỹ đối với Mi-an-ma từ 1988 đến 2009 trong đó nhấn mạnh chính sách cấm vận của Mỹ và ảnh hưởng của chính sách này đối với Mỹ và đối với quan hệ Mỹ và Mi-an-ma; chính sách của Mỹ đối với Mi-an-ma từ 2009 đến 2013, nhấn mạnh mục tiêu, nội dung điều chỉnh chính sách và quá trình triển khai chính sách.

Chương 3: Tác động và triển vọng. Chương 3 đánh giá những tác động ban đầu của việc Mỹ điều chỉnh chính sách đối với Mi-an-ma; dự báo triển vọng chính sách này; đưa ra một số khuyến nghị chính sách đối với Việt Nam.

30. Đề tài: Vai trò của Ủy viên không thường trực Hội đồng bảo an liên hợp quốc - Trường hợp Việt Nam trong nhiệm kỳ 2008-2009

Học viên: Đặng Hoàng Giang

Hội đồng bảo an Liên hợp quốc (HĐBA) là cơ quan được các quốc gia thành viên LHQ giao phó trách nhiệm quan trọng nhất về hòa bình, an ninh quốc tế và là cơ quan quốc tế duy nhất có quyền đưa ra những quyết định có tính bắt buộc đối với tất cả các thành viên LHQ. Sau hơn 30 năm gia nhập LHQ và hơn 10 năm tích cực chuẩn bị, Việt Nam đã trúng cử với số phiếu rất cao vào HĐBA LHQ tại cuộc bầu cử của Đại Hội đồng LHQ tháng 9/2007. Tiếp đó, trong 02 năm (2008-2009), Việt Nam đã hoàn thành xuất sắc nhiệm kỳ đầu tiên UVKTT. Việc tham gia thành công HĐBA đánh dấu bước hội nhập sâu rộng của nước ta vào đời sống chính trị quốc tế, phản ánh bước trưởng thành của ngoại giao Việt Nam thời kỳ đổi mới. Đánh giá quan hệ các mặt với các đối tác quốc tế và dư luận trong, ngoài nước đều cho thấy các hoạt động của ta tại HĐBA đã hoàn thành tốt các mục tiêu, phương châm đề ra, từ đó đem lại những kết quả tích cực đối với việc thúc đẩy lợi ích quốc gia và góp phần vào những nỗ lực chung vì hòa bình, an ninh quốc tế, là những kinh nghiệm rất quý báu, có ý nghĩa học thuật, thực tiễn lâu dài về nhiều mặt để xây dựng nội hàm của hội nhập quốc tế và phục vụ nhu cầu đối ngoại trong thời gian tới.

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Luận văn có 3 chương:

Chương 1: Tổng quan về HĐBALHQ và vị trí, vai trò của Ủy viên Không thường trực khái quát về cơ cấu tổ chức của HĐBALHQ, nêu vai trò vị trí, hoạt động của Ủy viên không thường trực HĐBALHQ.

Chương 2: Nhiệm kỳ Ủy viên Không thường trực HĐBA của Việt Nam 2008-2009 quá trình chuẩn bị, tham gia, cơ hội và thách thức, những thuận lợi trong quá trình tham gia vào Ủy viên không thường trực HĐBA của Việt Nam.

Chương 3: Một số đánh giá, bài học kinh nghiệm hoạt động tại Hội đồng Bảo an và sự chuẩn bị cho nhiệm kỳ 2020-2021 của Việt Nam những đánh giá, kiến nghị chính sách đối với Việt Nam, xây dựng cơ chế, lập trường quan điểm ra quyết định nhanh chóng và sẽ là những đóng góp có hiệu quả cho sự chuẩn bị của Việt Nam trong giai đoạn hướng đến nhiệm kỳ 2020-2021.

31. Đề tài: Ấn Độ với tiến trình hợp tác Đông Á (từ năm 1997 đến nay): Thực trạng và triển vọng.

Học viên Trần Thị Kim Thu

Trong xu hướng toàn cầu hoá và khu vực hoá ngày càng gia tăng, tiến trình Hợp tác Đông Á đã đi được chặng đường gần hai mươi năm với sự tham gia của các quốc gia trong khu vực. Sau Chiến tranh Lạnh, vai trò, vị thế của Ấn Độ ngày càng được nâng cao trong quan hệ quốc tế và đã đến lúc Ấn Độ tham gia vào quá trình xây dựng cấu trúc an ninh, kinh tế khu vực châu Á. Việc Ấn Độ trở thành thành viên chính thức của Hội nghị cấp cao Đông Á lần đầu tiên diễn ra tại thủ đô Kuala Lumpur (Malaysia) tháng 12 năm 2005 đã đánh dấu một bước tiến mới trong chính sách hướng Đông của đất nước có diện tích và dân số lớn nhất Nam Á này. Vậy Đông Á có vị trí quan trọng như thế nào về an ninh, chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa đối với chiến lược Châu Á - Thái Bình Dương của Ấn Độ? Vì sao Ấn Độ tham gia Hợp tác Đông Á? Ấn Độ đã tham gia vào tiến trình Hợp tác Đông Á như thế nào? Ấn Độ có vai trò như thế nào trong tiến trình Hợp tác Đông Á? Triển vọng hợp tác giữa Ấn Độ với các nước Đông Á và Việt Nam về các lĩnh vực trên như thế nào, cơ chế hợp tác và các giải pháp tháo gỡ các khó khăn trong quá trình hợp tác trong thời gian tới như thế nào? Đó là những vấn đề đặt ra cần được giải quyết.

Việt Nam và Ấn Độ đã thiết lập quan hệ ngoại giao từ năm 1972 và thiết lập quan hệ đối tác chiến lược từ năm 2007. Đến nay, quan hệ Ấn Độ - Việt Nam đã có nhiều bước phát triển góp phần vào thành công chung của hai nước. Do đó tìm hiểu vai trò của Ấn Độ đối với khu vực là thực sự cần thiết, có ý nghĩa quan trọng trong việc góp phần vào việc nghiên cứu và hoạch định chính sách đối ngoại của Việt Nam nhằm tăng cường quan hệ đối tác chiến lược giữa hai nước trong bối cảnh tình hình quốc tế và khu vực có nhiều biến động.

Vì những lý do trên, tác giả lựa chọn đề tài “Ấn Độ với tiến trình hợp tác Đông Á (từ năm 1997 đến nay): Thực trạng và triển vọng” làm đề tài nghiên cứu luận văn Thạc sỹ chuyên ngành Quan hệ quốc tế.

Luận văn đã đi sâu nghiên cứu, giải quyết các vấn đề chủ yếu sau:

- (i) Phân tích thực trạng quá trình hợp tác Đông Á, những thành tựu và hạn chế
- (ii) Phân tích làm rõ những nhân tố tác động đến việc Ấn Độ tham gia Hợp tác Đông Á; sự thay đổi vai trò của Ấn Độ đối với khu vực châu Á – Thái Bình Dương nói chung và khu vực Đông Á nói riêng; sự thay đổi trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ đối với khu vực Đông Á những năm đầu thế kỷ XXI (chính sách hướng Đông); quá trình tham gia và vai trò của Ấn Độ trong tiến trình Hợp tác Đông Á.
- (iii) Dự báo triển vọng hợp tác giữa Ấn Độ và Đông Á, đặc biệt là hợp tác Ấn Độ với Việt Nam trong thời gian tới.

32. Đề tài: Chính sách hội nhập quốc tế của Việt Nam sau Đại hội XI

Học viên: *Nghiêm Thị Thanh Thúy*

Trên cơ sở đánh giá các điều kiện trong nước sau hơn 25 năm đổi mới và tình hình thế giới, khu vực đang có nhiều thách thức, cơ hội đan xen, cùng những biến chuyển phức tạp, khó lường, Đại hội XI của Đảng (tháng 1-2011) chủ trương chuyển từ “*chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực khác*” sang “*chủ động và tích cực hội nhập quốc tế*”. Đây là một trong những luận điểm mới có tính chất kế thừa và phát triển trong đường lối đối ngoại của Đảng ta, đã phản ánh hai khía cạnh: *thứ nhất*, thế và lực của đất nước đã được nâng lên; *thứ hai*, khẳng định quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế là xu thế khách quan và việc Việt Nam tích cực, chủ động hội nhập quốc tế là phù hợp với yêu cầu, xu thế phát triển khách quan đó của thế giới.

Với chủ trương này, hội nhập quốc tế của nước ta không chỉ giới hạn trong lĩnh vực kinh tế mà được mở rộng ra tất cả các lĩnh vực khác của đời sống xã hội như chính trị, văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng... Phương châm hội nhập vẫn là “*tích cực và chủ động*” nhưng nội hàm của phương châm này cũng như nội hàm và lộ trình của hội nhập trong các lĩnh vực khác có những nội dung mới, quan hệ mật thiết, đan xen, tác động qua lại lẫn nhau. Thông thường, kinh tế là lĩnh vực đi đầu và là cơ sở vững chắc cho hội nhập trong các lĩnh vực khác. Đồng thời, hội nhập trong các lĩnh vực khác cũng tạo ra môi trường thuận lợi cho hội nhập kinh tế.

Luận văn với đề tài “**Chính sách hội nhập quốc tế của Việt Nam sau Đại hội XI**” tập trung nghiên cứu chính sách hội nhập quốc tế của Việt Nam sau Đại hội XI của Đảng, cụ thể là định hướng, nội dung cũng như các biện pháp triển khai. Từ việc làm rõ những cơ sở lý luận và thực tế để Đại hội XI của Đảng đưa ra chủ trương hội nhập quốc tế; phân tích những nội dung chủ yếu của chính sách hội nhập quốc tế mà Đại hội XI đề ra; đánh giá những hoạt động triển khai chính sách hội nhập quốc tế được triển khai trên thực tế từ sau Đại hội XI, rút ra những kinh nghiệm, luận văn bước đầu mạnh dạn đề xuất một số khuyến nghị chính sách nhằm nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế của nước ta trong giai đoạn tiếp theo.

33. Đề tài: Quan hệ Việt Nam - Đức giai đoạn từ 2000 đến nay: Thực trạng và triển vọng

Học viên: Nguyễn Đình Chiến

CHLB Đức là một nước lớn, có vị trí chiến lược quan trọng ở châu Âu. Đức có vai trò quan trọng trên trường quốc tế, là thành viên của các tổ chức quan trọng như EU, ASEM, G7, IAEA, IMF, NATO, UN, WTO... Việt Nam và CHLB Đức thiết lập quan hệ ngoại giao ngày 23/9/1975. Kể từ khi thiết lập đến nay, quan hệ Việt Nam - Đức đã không ngừng phát triển và trở thành mối quan hệ hữu nghị truyền thống. Quan hệ song phương giữa Việt Nam và Đức từ những năm đầu thế kỷ 21 đến nay ngày càng được phát triển và củng cố, thể hiện sinh động trên tất cả các lĩnh vực chính trị, ngoại giao; kinh tế, thương mại; văn hóa, giáo dục; quốc phòng... Từ nhiều năm nay, Đức là một trong những đối tác quan trọng nhất của ta ở châu Âu. Chính giới Đức, dù là đảng cầm quyền hay đối lập, đều đánh giá cao sự phát triển và vị trí của Việt Nam ở khu vực Đông Nam Á. Việt Nam và Đức đã nhất trí thiết lập quan hệ đối tác chiến lược và năm 2011.

Trong những năm tới, hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, nhưng sẽ có những diễn biến phức tạp mới, tiềm ẩn nhiều bất trắc khó lường. Trong bối cảnh đó, quan hệ Việt Nam – Đức trong thời gian tới sẽ ngày càng phát triển trên tất cả các lĩnh vực, tương xứng hơn với mối quan hệ hữu nghị truyền thống tốt đẹp, tiềm năng sẵn có cũng như mong muốn của chính phủ và nhân dân hai nước. Để thúc đẩy quan hệ giữa Việt Nam với Đức, Việt Nam cần tích cực, chủ động tăng cường các kênh đối thoại về các lĩnh vực trọng tâm, đặc biệt là các lĩnh vực đã xác định cụ thể trong Tuyên bố chung Hà Nội năm 2011.

Trên cơ sở những phân tích, đánh giá trên, luận văn với đề tài *Quan hệ Việt Nam - Đức giai đoạn từ 2000 đến nay: Thực trạng và triển vọng* đã tập trung giải quyết những nhiệm vụ: phân tích những nhân tố cơ bản tác động đến quan hệ Việt Nam - Đức từ năm 2000 đến nay; phân tích thực trạng quan hệ Việt Nam - Đức từ năm 2000 đến nay; đánh giá triển vọng quan hệ Việt Nam - Đức, từ đó tìm ra một số giải pháp nhằm thúc đẩy quan hệ Việt Nam với Đức.

34. Đề tài: Sử dụng truyền thông trong ngoại giao văn hoá Mỹ thời kỳ hậu chiến tranh lạnh.

Học viên: Đào Bích Phương

Ngày nay, sự bùng nổ mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật và các phương tiện truyền thông đại chúng làm cho thế giới trở nên “phẳng” hơn. Cùng với xu thế hội nhập trong bối cảnh toàn cầu hoá, các quốc gia ngày càng nhận thức được vai trò của truyền thông và ngoại giao văn hoá như một “quyền lực mềm” nhằm tăng cường sức mạnh tổng hợp của quốc gia trên trường quốc tế.

Nói đến ngoại giao văn hoá không thể không nhắc đến Mỹ - một cường quốc của công nghiệp truyền thông và văn hoá. Sự thống trị của Mỹ trong lĩnh vực truyền thông và văn hoá đại chúng đã khiến cho nhiều nhà văn hoá lo ngại về sự thống trị của văn hoá Mỹ đối với cả văn hoá châu Âu “cựu lục địa” lẫn các nền văn hoá khác trên thế giới. Mệnh đề “toàn cầu hoá hay Mỹ hoá?” đang làm dấy lên nhiều cuộc thảo luận xoay quanh thị trường toàn cầu các ấn phẩm văn hoá. Thông qua truyền thông, nước Mỹ đang tạo dựng hình ảnh về một cường quốc “kiểu mới” hậu chiến tranh Lạnh – “cường quốc văn hoá” [64; tr.181]. Phải chăng sự phát triển bùng nổ mạnh mẽ của truyền thông sau chiến tranh lạnh đã làm cho cụm từ “toàn cầu hoá” ngày nay được nhiều quốc gia gắn liền như một hiện tượng “Mỹ hoá”?

Một câu hỏi được đặt ra là: người Mỹ đã sử dụng truyền thông như thế nào trong ngoại giao văn hoá để tạo ra được “quyền lực mềm” khôn ngoan vừa có khả năng lan tỏa bền bỉ, vừa có tác dụng thâm thấu lâu dài – thứ sức mạnh có hiệu quả không kém gì so với sức mạnh về kinh tế và quân sự của Mỹ?

Thông qua đề tài: **“Sử dụng truyền thông trong ngoại giao văn hóa Mỹ thời hậu chiến tranh lạnh”**, luận văn mong muốn chỉ ra “cơ chế truyền thông được sử dụng trong ngoại giao văn hóa (nói chung)” và “nước Mỹ đã sử dụng cơ chế đó như thế nào trong ngoại giao văn hóa của họ trong bối cảnh toàn cầu hóa (nói riêng)” từ đó rút ra một số nhận xét về trường hợp Mỹ và bài học tham khảo cho công tác sử dụng truyền thông trong hoạt động ngoại giao văn hóa.

35. Đề tài: Chính sách của Trung Quốc đối với Lào từ năm 1989 đến nay

Học viên: Trần Huy Hùng

Trung Quốc và Lào là hai nước cùng chung biên giới, gắn liền với lịch sử tồn tại và phát triển của Việt Nam. Thời đại ngày nay, bên cạnh mối quan hệ láng giềng hữu nghị, Trung Quốc và Lào còn là bạn bè thân thiết, cùng chung ý thức hệ tư tưởng và có nhiều nét tương đồng về hệ thống chính trị với Việt Nam. Có một thực tế là những năm gần đây, đi đôi với quá trình phát triển nhanh chóng về kinh tế và sự chuyển biến về tập hợp lực lượng trên thế giới, Trung Quốc đã và đang ngày càng tìm cách mở rộng phạm vi ảnh hưởng của mình ra thế giới mà trước hết là với các nước láng giềng. Trên cơ sở đó, kể từ khi bình thường hóa quan hệ với Lào năm 1989 đến nay, Trung Quốc đã triển khai mạnh mẽ chính sách ngoại giao láng giềng với Lào, đưa quan hệ Trung Quốc - Lào đạt tiến nhiều triển quan trọng, tạo sự mật thiết về chính trị và gắn kết về kinh tế, qua đó khiến Trung Quốc nhanh chóng mở rộng và nâng cao ảnh hưởng của mình tại Lào, đặc biệt là trong lĩnh vực chính trị và kinh tế.

Mặc dù là cả ba nước là láng giềng của nhau, cùng chung ý thức hệ tư tưởng, bên cạnh đó việc Trung Quốc đẩy mạnh quan hệ, tăng cường ảnh hưởng với Lào một mặt phù hợp với lợi ích của cả Trung Quốc và Lào, nhưng đồng thời cũng sẽ tạo thành những ảnh hưởng, tác động và thậm chí là hệ lụy không nhỏ đối với Việt Nam cũng như quan hệ song phương giữa Việt Nam - Lào và quan hệ giữa Việt Nam với Trung Quốc. Do đó, việc tìm hiểu, phân tích và đánh giá đầy đủ về biện pháp, chính sách của Trung Quốc đối với Lào kể từ khi hai nước bình thường hóa quan hệ năm 1989 đến nay là điều cấp thiết, cần thiết và có ý nghĩa quan trọng đối với Việt Nam, đây đồng thời cũng là mối quan tâm của nhiều nước trong khu vực.

Đề tài được thực hiện nhằm làm rõ 03 vấn đề: **Một là**, những nhân tố chủ quan và khách quan tác động tới chính sách của Trung Quốc đối với Lào như tình hình thế giới và khu vực; vị trí, vai trò của Trung Quốc và Lào trong mối quan hệ song phương Trung - Lào; lợi ích của Trung Quốc trong quan hệ với Lào; lịch sử quan hệ Trung Quốc với Lào trước kia. **Hai là**, tìm hiểu và phân tích các chính sách Trung Quốc đã áp dụng trong quan hệ với Lào, trong đó bao gồm chủ trương của Trung Quốc đối với láng giềng nói chung và với Lào nói riêng; các chính sách mà Trung Quốc đã làm trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục... và tình hình quan hệ giữa Trung Quốc với Lào sau khi hai nước bình thường hóa. **Ba là**, đưa ra một số dự báo về xu hướng của các chính sách này trong tương lai, trong đó đề tài đã đánh giá lại các ưu điểm, hệ lụy đối với cả Trung Quốc và Lào do các chính sách trong quan hệ với Lào của Trung Quốc mang lại; nêu các chủ trương, chính sách của Trung Quốc đối với láng giềng để từ đó dự báo các chính sách mà Trung Quốc sẽ thực hiện đối với Lào trong tương lai./.

36. Đề tài: Quan hệ đối tác chiến lược của Việt Nam: trường hợp quan hệ Việt – Anh

Học viên: Hoàng Thanh Vân

Chiến tranh Lạnh kết thúc, cục diện thế giới “hai cực” không còn tồn tại. Điều đó tạo điều kiện cho việc hình thành một số hình thức mới trong quan hệ quốc tế. Một trong những mô hình hợp tác mới mà các quốc gia lựa chọn đó là quan hệ đối tác chiến lược. Trong tiến trình hội nhập quốc tế, Việt Nam cũng tiếp cận với mô hình hợp tác này nhằm thiết lập các mối quan hệ ngày càng đi vào chiều sâu và hiệu quả. Quan hệ đối tác chiến lược trong chính sách đối ngoại của Việt Nam hiện là một mô hình hợp tác quốc tế còn khá mới mẻ và chưa được nghiên cứu nhiều ở Việt Nam. Trong quá trình thực thi việc hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại, Việt Nam đã đàm phán ký kết các văn kiện thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với một số đối tác. Một trong những đối tác quan trọng của Việt Nam trong quá trình hoạch định chính sách đó là Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (gọi tắt là Anh).

Luận văn “***Quan hệ đối tác chiến lược của Việt Nam: trường hợp quan hệ Việt – Anh***” đã tập trung đánh giá lại thực trạng mối quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - Anh và dự báo triển vọng quan hệ hai nước trong thời gian tới có ý nghĩa quan trọng đối với việc tiếp tục tăng cường quan hệ giữa Việt Nam và Anh nói riêng, cũng như đối với việc triển khai chính sách đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn mới, dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 11 nói chung.

Chương 2 và cũng là chương chính của luận văn tập trung nghiên cứu thực trạng quan hệ Đối tác chiến lược Việt Nam – Anh từ năm 2010 đến nay trên các lĩnh vực cụ thể. Trên cơ sở những kết quả đã đạt được, tác giả sơ bộ đánh giá và rút ra những mặt còn tồn tại trong việc triển khai quan hệ hai nước. Qua đó, trong chương 3 của luận văn, tác giả đưa ra một số kiến nghị nhằm tăng cường quan hệ Đối tác chiến lược Việt Nam – Anh trong thời gian tới trên một số lĩnh vực.

37. Đề tài: Chính sách đối với các đồng minh truyền thống tại châu Á-Thái Bình Dương của chính quyền Obama

Học viên: Nguyễn Thu Phương

Chiến tranh lạnh kết thúc, châu Á-Thái Bình Dương vẫn nổi lên là khu vực thu hút sự quan tâm của nhiều cường quốc. Các chính quyền Clinton và Bush vẫn tiếp tục duy trì quan hệ đồng minh ở khu vực này về mặt an ninh quân sự, đồng thời gia tăng chia sẻ trách nhiệm trong vấn đề theo ý đồ của Mỹ. Năm 2008 diễn ra cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, cùng với đó là hệ quả nặng nề từ chính sách của các chính phủ tiền nhiệm, Mỹ đứng trước nhiều thách thức, thế và lực của Mỹ bị suy yếu. Do vậy, Mỹ đặc biệt quan tâm tới những lợi ích chiến lược của Mỹ tại châu Á-Thái Bình Dương với quyết định “xoay trục” của chính quyền Obama. Mỹ quay trở lại khu vực này với sự trợ giúp từ các “điểm tựa” đồng minh. Vừa tăng cường liên kết quân sự, gia tăng hợp tác kinh tế, Mỹ yêu cầu các đồng minh “gánh vác” nhiều hơn trong các vấn đề quốc tế. Quá trình triển khai chính sách đối với các đồng minh cùng những điều chỉnh của Mỹ không chỉ tác động đến các nước này, mà còn ảnh hưởng không nhỏ tới quan hệ quốc tế, trong đó có Việt Nam.

Luận văn với đề tài **“Chính sách đối với các đồng minh truyền thống tại châu Á-Thái Bình Dương của chính quyền Obama”** tập trung nghiên cứu chính sách của Mỹ đối với các nước đồng minh tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương từ sau Chiến tranh lạnh đến nay (bao gồm cơ sở hoạch định, nội dung chính sách và những bước triển khai trên thực tế).

Từ phân tích những nét cơ bản nhất trong động cơ hình thành quan hệ đồng minh của Mỹ tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương đến những đánh giá chính sách của Mỹ đối với các đồng minh này trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh làm cơ sở so sánh, luận văn nghiên cứu chính sách đồng minh của Mỹ tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương sau Chiến tranh Lạnh đến nay. Cụ thể, phần đầu nêu chính sách đối với đồng minh của hai thời Tổng thống Bill Clinton và George W. Bush; phần tiếp theo trọng tâm đi sâu phân tích chính sách của Tổng thống Barack Obama đối với từng nước đồng minh, nhất là trong lĩnh vực an ninh quân sự mà Mỹ và các nước đã ký kết hiệp ước đồng minh trong bối cảnh hiện nay. Bên cạnh đó, chỉ ra cách ứng xử của những nước này đối với Mỹ.

Trên cơ sở những tính toán lợi ích của Mỹ đối với khu vực trước những thách thức mà Mỹ cũng như các nước đồng minh đã và sẽ tiếp tục phải đối mặt trong thời gian tới, phần kết của luận văn đưa ra những dự đoán về khả năng điều chỉnh chính sách trong quan hệ đồng minh của Mỹ ở khu vực châu Á- Thái Bình Dương, nhất là sau cuộc bầu cử tổng thống Mỹ năm 2016, khi mà Mỹ có sự thay đổi chính quyền mới.

38. Đề tài: Những thay đổi trong chính sách Châu Á-Thái Bình Dương của chính quyền Obama và tác động tới Việt Nam

Học viên: Nguyễn Thu Hương

Trong bối cảnh tình hình chính trị thế giới có nhiều biến động, sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, châu Á – Thái Bình Dương được Liên hợp quốc đánh giá là khu vực dẫn đầu thế giới về phục hồi kinh tế. Hiện dân số ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương chiếm khoảng 1/2 dân số thế giới và là khu vực có trữ lượng dầu mỏ, khí đốt rất lớn và tập trung sự trỗi dậy kinh tế của nhiều nước. Thực tế ở khu vực này đang tập trung sự chú ý của nhiều nước lớn và nhiều tổ chức quốc tế quan trọng. Trong "Chiến lược quốc gia cho thế kỷ XXI", Mỹ xác định khu vực châu Á - Thái Bình Dương là một địa bàn quan trọng đối với an ninh quốc gia của nước Mỹ. Vì đây là nơi đang tập trung nhiều mâu thuẫn về lợi ích có tính chiến lược của một số nước lớn đối trọng với lợi ích quốc gia Mỹ, đặc biệt những nước đang cạnh tranh với Mỹ để giành quyền khống chế khu vực này về chính trị và kinh tế. Và chúng ta có thể thấy sự chuyển dịch trọng tâm sang khu vực Châu Á-TBD được thể hiện rất rõ qua nhiệm kỳ đầu của chính quyền Obama. Với sự chuyển dịch trọng tâm trong chính sách đối ngoại sang khu vực Châu Á – Thái Bình Dương của Tổng thống Obama đã có những thay đổi như thế nào so với người tiền nhiệm. Và những thay đổi này có tác động như thế nào tới khu vực và tới Việt Nam.

Luận văn với đề tài: ***“Những thay đổi trong chính sách châu Á - Thái Bình Dương của chính quyền Obama và tác động tới Việt Nam”*** đi sâu vào phân tích sự thay đổi trong chính sách Châu Á – Thái Bình Dương của Mỹ trong nhiệm kỳ đầu của Tổng thống Obama và tác động của sự điều chỉnh đến khu vực Châu Á – Thái Bình Dương và đặc biệt là Việt Nam. Để thấy rõ được sự thay đổi trong chính sách Châu Á – Thái Bình Dương của chính quyền Obama, người viết có phân tích chính sách Châu Á – Thái Bình Dương của người tiền nhiệm là tổng thống G.W. Bush. Từ những thay đổi trên, người viết có phân tích những tác động của chính sách của Obama tới khu vực và Việt Nam.

Từ những trình bày trên, người viết có đưa ra một số khuyến nghị chính sách cho Việt Nam. Đây là một số phương hướng nhằm nâng cao hiệu quả hợp tác giữa Việt Nam với Mỹ trong thời gian tới trên cơ sở phát huy tối đa nguồn lực, chủ động hợp tác trong an ninh quốc phòng, tìm kiếm cơ hội giải quyết vấn đề Biển Đông với Trung Quốc và nâng tầm đối tác chiến lược với Mỹ.

39. Đề tài: Quá trình xây dựng Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN và đóng góp của Việt Nam

Học viên: Lê Thị Thùy Dung

Trong bối cảnh quá trình toàn cầu hóa ngày càng mạnh mẽ, kinh tế và văn hóa có thể được xem là hai nguồn lực lớn nhất quy định hành vi của con người. Thực tế này khẳng định rõ hơn cơ sở khoa học và thực tiễn của chiến lược xây dựng và phát triển nền văn hóa của đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa mà Đảng ta đã đề ra. Việt Nam tuy gia nhập ASEAN từ năm 1995 nhưng vẫn đang nằm trong nhóm các nước kém phát triển của hiệp hội, việc nghiên cứu về cơ chế hợp tác trong Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN (ASCC) sẽ giúp tìm ra mô hình để phát triển văn hóa - xã hội giữa Việt Nam - ASEAN, khai thác lợi ích cao nhất khi Việt Nam tham gia cộng đồng này.

Thời hạn hình thành ASCC đang đến gần, việc nghiên cứu, phân tích thành tựu, khó khăn và thách thức trong xây dựng Cộng đồng ASEAN trên mọi lĩnh vực, trong đó có văn hóa - xã hội để từ đó có giải pháp đẩy nhanh tiến độ xây dựng cộng đồng là vấn đề mang ý nghĩa cấp bách.

Bên cạnh đó, việc phân tích những đóng góp của Việt Nam để rút kinh nghiệm, phát huy hơn nữa vai trò, đẩy mạnh những đóng góp đó cho Cộng đồng cũng như nghiên cứu sâu về ASCC sẽ giúp hiểu toàn diện hơn về liên kết văn hóa - xã hội này để đưa ra những sáng kiến, biện pháp nhằm thực hiện thành công ASCC nói riêng và AEC nói chung trong tương lai.

Luận văn ***“Quá trình xây dựng Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN và đóng góp của Việt Nam”*** đã giải thích quá trình hình thành và xây dựng ASCC từ 2003 đến nay, phân tích các yếu tố tác động, cơ hội và thách thức đối với ASCC cũng như cung cấp các kịch bản triển vọng của ASCC. Luận văn cũng đã đóng góp một số khuyến nghị chính sách nhằm đẩy nhanh quá trình xây dựng ASCC và nâng cao hiệu quả tham gia của Việt Nam.

40. Đề tài: Tác động của tình hình Biển Đông tới an ninh khu vực Châu Á - Thái Bình Dương trong vòng 10 năm trở lại đây

Học viên: Hoàng Việt Dũng

Trong khoảng 10 năm trở lại đây, tình hình Biển Đông diễn biến ngày càng phức tạp với sự can dự của các nước lớn như Mỹ, Nhật Bản, Ấn Độ... Vấn đề này tiếp tục trở nên phức tạp hơn, nhất là thời gian gần đây do nhiều nguyên nhân có thể kể đến như lợi ích về kinh tế, các hoạt động nhằm gia tăng ảnh hưởng trong khu vực. Cộng đồng khu vực và thế giới ngày càng quan tâm nhiều hơn tới Biển Đông bởi ý nghĩa quan trọng của vùng biển này đối với hòa bình, ổn định và phát triển, không chỉ của khu vực Đông Á mà của toàn khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Biển Đông là một trong những khu vực diễn ra tranh chấp phức tạp nhất trên thế giới, bao gồm từ đấu tranh chính trị, ngoại giao đến đấu tranh quân sự. Các tranh chấp chủ quyền tại Biển Đông vẫn đang là mối quan tâm hàng đầu của tất cả các quốc gia và lãnh thổ trong vùng.

Với sự bành trướng của mình tại khu vực Biển Đông, Trung Quốc đã trở thành một đối thủ cạnh tranh chiến lược tiềm ẩn đối với Mỹ tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương cũng như ở khu vực Đông Nam Á. Chính sự năng động trong quan hệ Trung - Mỹ đã tác động lớn đến môi trường an ninh khu vực. Bên cạnh đó, vấn đề an ninh Biển Đông cũng tác động không nhỏ đến tình hình chính trị, kinh tế tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.

Luận văn với đề tài: **“Tác động của tình hình Biển Đông tới an ninh khu vực Châu Á - Thái Bình Dương trong vòng 10 năm trở lại đây”** đã tập trung phân tích các vấn đề an ninh Biển Đông trong thời gian qua trên cơ sở đánh giá tầm quan trọng của Biển Đông đối với thế giới và khu vực; đồng thời phân tích tác động của vấn đề Biển Đông đến an ninh khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Biển Đông có tầm quan trọng chiến lược đối với các quốc gia trong và ngoài khu vực. Những tính toán điều chỉnh của các quốc gia liên quan đã tác động, ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình an ninh khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Cục diện khu vực Châu Á - Thái Bình Dương đã mở ra thời cơ để các nước trong khu vực phát triển, hợp tác, phục vụ cho lợi ích chung cũng như lợi ích của mỗi quốc gia; nhưng cũng khiến cho tình hình khu vực “nóng” hơn bao giờ hết.

Trên cơ sở nghiên cứu đánh giá nói trên, Luận văn đã đề xuất một số kiến nghị đối với Việt Nam trong vấn đề Biển Đông góp phần đem lại hòa bình, ổn định khu vực.

41. Đề tài: Vấn đề tranh chấp quần đảo Senkaku (Điếu Ngư) trong quan hệ Trung – Nhật từ 2012 đến nay

Học viên: Nguyễn Tuấn Dũng

Trung Quốc và Nhật Bản là hai quốc gia có mối quan hệ rất lâu đời. Bên cạnh những sự hợp tác phát triển, quan hệ hai nước cũng chứng kiến nhiều căng thẳng và xung đột, đối đầu trên nhiều vấn đề. Một trong những vấn đề đó là tranh chấp biển đảo mà điển hình là *vấn đề tranh chấp quần đảo Senkaku/Điếu Ngư*, vốn đang diễn ra ngày một phức tạp, xuất hiện với tần suất nhiều hơn, có xu hướng ngày càng căng thẳng và nghiêm trọng đồng thời gây ra những tác động tiêu cực tới quan hệ hai nước, tới khu vực song song với sự xuống cấp trong quan hệ Trung Nhật những năm trở lại đây. Mặt khác Trung Quốc và Nhật Bản là hai nước lớn tại khu vực Châu Á Thái Bình Dương và trên thế giới, do đó mối quan hệ giữa Bắc Kinh và Tokyo nhận được không ít sự quan tâm của rất nhiều quốc gia trong khu vực Châu Á Thái Bình Dương mà còn có ảnh hưởng và tác động to lớn đối với khu vực và thế giới.

Do vậy luận văn **“Vấn đề tranh chấp quần đảo Senkaku (Điếu Ngư) trong quan hệ Trung Nhật từ 2012 đến nay”** sẽ tìm hiểu lịch sử vấn đề, nghiên cứu và đánh giá thực trạng tranh chấp Senkaku kể từ 2012 đến nay. Luận văn sẽ trình bày và phân tích nguồn gốc, nguyên nhân của vấn đề để giúp người đọc có một cái nhìn toàn diện và sâu sắc hơn về tranh chấp Senkaku từ 2012 đến nay. Bên cạnh đó, Luận văn cũng đưa ra một số triển vọng có thể xử lý vấn đề tranh chấp này trong quan hệ Trung Nhật nói riêng, và có thể áp dụng những triển vọng đó như một nguồn tham khảo cho những tranh chấp biển đảo hiện đang diễn ra tại một số khu vực khác (bao gồm cả Việt Nam) nói chung.

Ngoài Mở đầu và Kết luận, Luận văn được chia làm 3 Chương, cụ thể:

Chương 1: Thực trạng vấn đề tranh chấp quần đảo Senkaku từ 2012 đến nay sẽ giới thiệu sơ lược lịch sử tranh chấp Senkaku theo từng giai đoạn, sau đó sẽ đề cập đến thực chất, đưa ra những chuyển biến, bước ngoặt và động thái chính của Trung Quốc và Nhật Bản trong tranh chấp Senkaku/Điếu Ngư từ 2012 đến nay.

Chương 2: Nguyên nhân căng thẳng trong tranh chấp Senkaku từ 2012 đến nay sẽ trình bày và phân tích những nguyên nhân, tác động bên trong và bên ngoài của vấn đề tranh chấp, khiến quan hệ Trung Nhật ngày càng xấu đi.

Chương 3: Tác động của tranh chấp Senkaku tới quan hệ Trung – Nhật và khu vực Châu Á Thái Bình Dương sẽ làm rõ những tác động của tranh chấp đối với quan hệ hai nước Trung Nhật, khu vực Châu Á – Thái Bình Dương và Việt Nam. Chương này cũng đề xuất một số giải pháp nhằm xử lý tranh chấp.

42. Đề tài: Hợp tác của Mỹ với các nước Đông Nam Á trong lĩnh vực an ninh-quân sự (2001-2012)

Học viên: Mầu Tiến Dương

Sau sự kiện 11/9/2001, khủng bố và chống khủng bố là mối quan tâm đặc biệt của nước Mỹ và nhiều nước trên thế giới. Đông Nam Á trở thành mặt trận chống khủng bố thứ hai của Mỹ. Đây là thời điểm đánh dấu bước ngoặt trong chính sách đối ngoại của Mỹ cũng như của các nước Đông Nam Á. Nhu cầu hợp tác giữa Mỹ và Đông Nam Á trong chống khủng bố nói riêng, các vấn đề an ninh truyền thống và phi truyền thống nói chung trở nên cấp thiết và mạnh mẽ hơn bao giờ hết, có tác động to lớn đến mối quan hệ Mỹ-Đông Nam Á và tình hình an ninh của khu vực này.

Cùng với sự kiện 11/9/2001, sự lớn mạnh không ngừng về cả kinh tế và quân sự của Trung Quốc, sự cạnh tranh gay gắt nhằm gia tăng ảnh hưởng địa chính trị tại Đông Nam Á giữa Mỹ và các cường quốc khác, nhất là với Trung Quốc, buộc Mỹ phải quan tâm đến khu vực này nhiều hơn, coi Đông Nam Á là một ưu tiên trong chính sách đối ngoại của mình. Đây mạnh hợp tác an ninh-quân sự với các nước Đông Nam Á giúp Mỹ củng cố vị thế lãnh đạo vốn có trong khu vực, kiềm chế ảnh hưởng của Trung Quốc. Với hơn 600 triệu dân, kinh tế phát triển năng động, Đông Nam Á còn là một thị trường lớn của các công ty Mỹ, góp phần hỗ trợ tăng trưởng cho kinh tế Mỹ, vốn phải đối mặt với nhiều khó khăn kể từ khi phát động cuộc chiến tiêu diệt Taliban ở Afghanistan (tháng 10/2001).

Với chiến thắng trong cuộc bầu cử Tổng thống năm 2008, ông Obama lên nắm quyền và đã đề ra nhiều chính sách đối ngoại khác với thời Chính quyền G.W. Bush. Mỹ tiến hành chuyển trọng tâm chiến lược sang châu Á-Thái Bình Dương, đẩy mạnh tập hợp lực lượng để bao vây và kiềm chế Trung Quốc. Trong khi đó, tự tin với sức mạnh kinh tế và quân sự của mình, Trung Quốc tỏ ra ngày càng quyết đoán và có phần hung hăng trong các tranh chấp trên biển với các nước láng giềng, nhất là thái độ bất nạt nước nhỏ trong tranh chấp ở Biển Đông. Thực tế này khiến bản thân các nước Đông Nam Á cũng muốn đẩy mạnh hợp tác an ninh-quân sự với Mỹ, muốn Mỹ thực hiện các cam kết, làm đối trọng với Trung Quốc, tạo thế cân bằng lực lượng, góp phần đảm bảo an ninh và ổn định cho khu vực.

Luận văn với đề tài: **‘Hợp tác của Mỹ với các nước Đông Nam Á trong lĩnh vực an ninh-quân sự (2001-2012)’** tập trung nghiên cứu sự hợp tác của Mỹ với các nước Đông Nam Á trong lĩnh vực an ninh-quân sự giai đoạn 2001-2012. Qua đó, góp phần làm sáng tỏ động cơ hợp tác, các hình thức và các chương trình hợp tác của Mỹ với các nước Đông Nam Á trong lĩnh vực an ninh-quân sự trong giai đoạn này. Trên cơ sở đó, tác giả rút ra một số đánh giá, nhận định, cung cấp một cách nhìn tương đối tổng quát về sự hợp tác giữa Mỹ và các nước Đông Nam Á trong lĩnh vực nhạy cảm này.

43. Đề tài: Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực truyền thông đối ngoại của Việt Nam từ sau đổi mới đến nay và một số giải pháp đến 2025

Học viên: Nguyễn Thị Bích Ngọc

Có thể nói truyền thông đối ngoại có vai trò rất lớn trong việc triển khai đường lối đối ngoại của đất nước. Truyền thông đối ngoại là một mảng công việc rất quan trọng trong công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Làm tốt công tác truyền thông đối ngoại sẽ giúp các bạn bè quốc tế tiếp cận tình hình một cách chính xác, giúp họ hiểu đúng về đất nước, con người Việt Nam. Qua đó, phục vụ chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ và hội nhập quốc tế của ta, thu hút các nguồn lực bên ngoài như vốn, công nghệ, du lịch phục vụ cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, góp phần vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Chính vì vậy sự nghiên cứu về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực truyền thông đối ngoại của Việt Nam hiện nay là rất quan trọng, từ đó đưa ra các giải pháp nhằm tăng cường sự hợp tác quốc tế, nâng cao chất lượng truyền thông đối ngoại trong thời gian tới là một vấn đề cấp thiết.

Đề tài: "*Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực truyền thông đối ngoại của Việt Nam từ sau đổi mới đến nay và một số giải pháp đến 2025*" tập trung nghiên cứu về hợp tác quốc tế trong truyền thông đối ngoại của Việt Nam dưới góc độ các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực truyền thông.

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn được chia thành ba chương chính:

Chương 1: Tổng quan về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực truyền thông đối ngoại. Chương này tập trung làm rõ nhận thức chung về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực truyền thông đối ngoại; tìm hiểu cơ sở hình thành hợp tác quốc tế trong truyền thông đối ngoại ở Việt Nam kể từ sau đổi mới; một số xu hướng hợp tác quốc tế trong truyền thông đối ngoại trên thế giới hiện nay và các đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước từ sau thời kỳ đổi mới đến nay.

Chương 2: Thực trạng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực truyền thông đối ngoại của Việt Nam sau đổi mới. Chương này nêu ra thực trạng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực truyền thông đối ngoại của Việt Nam từ sau thời kỳ đổi mới đến nay và đánh giá, đưa ra một số bài học.

Chương 3: Một số giải pháp thúc đẩy và tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực truyền thông đối ngoại của Việt Nam đến 2025. Chương này đi vào phân tích các yêu cầu đặt ra và bối cảnh đối với hợp tác quốc tế trong lĩnh vực truyền thông đối ngoại của Việt Nam trong thời gian từ nay đến năm 2025. Từ đó, đưa ra một số giải pháp nhằm góp phần thúc đẩy hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này.

44. Đề tài: Vấn đề sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế của Hoa Kỳ (1993-2009)

Học viên: Nguyễn Anh Đức

Từ sau Chiến tranh Lạnh đến nay, nước Mỹ đã có nhiều thay đổi, thăng trầm. Tuy nhiên hầu như bất cứ khi nào nhắc đến nước Mỹ là mọi người đều có thể liên tưởng đến những cuộc chiến, bạo lực. Tại sao khi nhắc đến các nước lớn, đặc biệt là nước Mỹ chúng ta đều liên tưởng đến các cuộc chiến, trong khi chính người Mỹ luôn tự coi mình là những người tiên tiến, luôn chú trọng đến dân chủ - nhân quyền; Phải chăng việc người Mỹ dùng bạo lực để trấn áp bạo lực, gìn giữ hòa bình là điều có thể chấp nhận được ?

Nội dung bài nghiên cứu chủ đề: **Vấn đề sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế của Hoa Kỳ (1993-2009)** trước hết đưa ra những cách tiếp cận, quan điểm đánh giá về vũ lực và việc sử dụng vũ lực trong thực tiễn đời sống và trong hệ thống quan hệ quốc tế. Trong đó chủ yếu dựa trên quan điểm của Chủ nghĩa hiện thực về quan hệ quốc tế (Chương 1).

Trong nội dung chính của bài nghiên cứu (Chương 2) đề cập tới việc triển khai trong thực tiễn chính sách vũ lực trong chính sách đối ngoại của nước Mỹ giai đoạn 1993-2009 dưới chính quyền của Tổng thống Bill Clinton và Tổng thống G.W.Bush (con). Trong đó nhấn mạnh vào yếu tố kế thừa trong chính sách đối ngoại nói chung và khía cạnh chính sách vũ lực nói riêng. Ngoài ra động cơ cho sự lựa chọn chính sách trên còn là vấn đề lợi ích quốc gia, đảm bảo an ninh quốc gia của Mỹ và đồng minh, lợi ích nhóm và niềm tự hào dân tộc. Thêm vào đó là những đánh giá về từng giai đoạn cầm quyền riêng của hai chính đảng đối lập của nước Mỹ; những thành tựu mà họ đạt được, những mất mát mà nước Mỹ phải gánh chịu trong thời kỳ tại vị của hai tổng thống.

Trên cơ sở phân tích và nhận định cá nhân về thời gian cầm quyền của hai vị Tổng thống (Chương 3), rút ra những nhận xét về quy luật vận động của hệ thống chính trị nội tại Mỹ; mặt khác dự đoán về tương lai của chính sách hay công cụ vũ lực trong chính sách đối ngoại Mỹ. Nước Mỹ sẽ tạo ra sự thay đổi về chất và lượng của công cụ - biện pháp vũ lực của mình, hay vũ lực tự bản thân nó sẽ phải chuyển hóa hay tự hoàn thiện mình để phù hợp với quy luật vận động và phát triển của sự vật hiện tượng.

45. Đề tài: Sự tham gia của Việt Nam trong quá trình xây dựng Cộng đồng ASEAN

Học viên: Phan Quỳnh Hoa

Bước sang thế kỷ XXI, tình hình thế giới và khu vực có nhiều thay đổi nhanh chóng và phức tạp, đòi hỏi ASEAN phải tự điều chỉnh và đổi mới để phù hợp với mức độ và nhu cầu hợp tác trong giai đoạn mới. Với mục tiêu đẩy mạnh hơn nữa liên kết nội khối, các nhà Lãnh đạo ASEAN đã quyết định thành lập Cộng đồng ASEAN dựa trên ba trụ cột chính là Chính trị - An ninh, Kinh tế và Văn hóa - Xã hội vào năm 2015. Việt Nam trở thành thành viên chính thức của ASEAN vào năm 1995 và kể từ đó đến nay, Việt Nam luôn chủ động tham gia các hoạt động của ASEAN, đóng góp tích cực cho việc tăng cường hợp tác và liên kết nội khối ASEAN, mở rộng quan hệ đối ngoại và nâng cao vai trò, vị thế quốc tế của ASEAN. Hiện nay, việc xây dựng thành công Cộng đồng ASEAN đang là ưu tiên hàng đầu của Hiệp hội. Việt Nam đã và đang nỗ lực đóng góp vào tiến trình xây dựng Cộng đồng ASEAN ngay từ buổi đầu hình thành ý tưởng cho đến giai đoạn định hình chính sách và triển khai.

Luận văn “**Sự tham gia của Việt Nam trong quá trình xây dựng Cộng đồng ASEAN**” sẽ tập trung nghiên cứu hai vấn đề chính: *Thứ nhất*, đánh giá sự tham gia của Việt Nam trong quá trình xây dựng Cộng đồng ASEAN từ năm 2003 đến nay; *Thứ hai*, đưa ra một số khuyến nghị chính sách tham gia xây dựng Cộng đồng ASEAN của Việt Nam trong thời gian tới.

Chương 1: Giới thiệu một cách tổng quan về Cộng đồng ASEAN và những chủ trương chính sách của Việt Nam trong việc tham gia xây dựng Cộng đồng ASEAN. Đây là những kiến thức cơ bản để trên cơ sở đó đánh giá các thành tựu và hạn chế của Việt Nam trong quá trình tham gia xây dựng Cộng đồng ASEAN trong thời gian qua.

Chương 2: Đánh giá sự tham gia của Việt Nam trong quá trình xây dựng Cộng đồng ASEAN kể từ năm 2003 đến nay. Chương này sẽ làm rõ những đóng góp tích cực cũng như những hạn chế của Việt Nam trong quá trình hiện thực hóa Cộng đồng ASEAN kể từ khi ASEAN ký Tuyên bố Ba-li II, quyết định xây dựng Cộng đồng vào năm 2015. Bên cạnh đó, cũng chỉ ra các nguyên nhân của những thành tựu và hạn chế của Việt Nam.

Chương 3: Phân tích triển vọng hình thành và phát triển Cộng đồng ASEAN vào năm 2015 và trong tương lai. Trên cơ sở phân tích những nhân tố tác động đến quá trình xây dựng Cộng đồng ASEAN nói chung cũng như các cơ hội và yêu cầu mới đặt ra cho Việt Nam trong thời gian tới, đưa ra khuyến nghị chính sách tham gia xây dựng Cộng đồng ASEAN của Việt Nam.

46. Đề tài: Hợp tác quốc tế trong việc nhận trở lại công dân Việt Nam không được phía nước ngoài cho cư trú từ năm 1995 đến năm 2013

Học viên: Trần Mai Anh

Trong xu thế toàn cầu hóa và đẩy mạnh hội nhập quốc tế ngày nay, di cư quốc tế là hiện tượng đặc biệt, được các quốc gia đặc biệt quan tâm bởi những xáo trộn phát sinh trong hệ thống kinh tế và xã hội của các quốc gia. Thực tế cho thấy, hoạt động di cư ngày càng có vai trò quan trọng, tác động đến sự phát triển và làm nảy sinh mối quan hệ hợp tác giữa các quốc gia liên quan. Hợp tác quốc tế trong quản lý di cư là vấn đề được các quốc gia đặc biệt quan tâm, ưu tiên tăng cường nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại của công dân và Việt Nam cũng không nằm ngoài hiện tượng chung đó.

Thời gian gần đây, tình hình công dân Việt Nam di cư ra nước ngoài có nhiều diễn biến phức tạp, đặc biệt là tình trạng nhập cảnh, cư trú bất hợp pháp ở nước ngoài đã làm nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp, ảnh hưởng tới an ninh, xã hội và gây bức xúc cho các quốc gia tiếp nhận. Để giải quyết vấn đề này, bên cạnh việc hợp tác trong thúc đẩy di cư hợp pháp và phòng chống di cư bất hợp pháp, Việt Nam thể hiện quan điểm sẵn sàng nhận trở lại công dân Việt Nam không được nước ngoài cho cư trú, coi đó là trách nhiệm và nghĩa vụ quốc tế của mình. Có thể nói, việc nhận trở lại công dân ngày càng phức tạp và mang tính cấp thiết, nhất là khi Việt Nam đang chủ động hội nhập quốc tế. Các nước đánh giá cao thiện chí của Việt Nam, từ đó góp phần tăng cường quan hệ hợp tác giữa Việt Nam với các nước về di cư. Tuy nhiên, tình hình người Việt Nam di cư ra nước ngoài ngày càng phức tạp, khó kiểm soát và nếu không được giải quyết một cách triệt để có thể ảnh hưởng tới quan hệ giữa Việt Nam với các nước.

Luận văn với đề tài ***“Hợp tác quốc tế trong việc nhận trở lại công dân Việt Nam không được phía nước ngoài cho cư trú từ năm 1995 đến năm 2013”*** đã tập trung nghiên cứu, làm sáng tỏ những vấn đề cơ bản về di cư và hoạt động hợp tác quốc tế về nhận trở lại công dân không được nước ngoài cho cư trú; khảo sát thực trạng hoạt động và phân tích, đánh giá những kết quả đạt được cũng như những hạn chế, tồn tại trong quá trình hoạt động của Bộ Công an về lĩnh vực này từ năm 1995 đến năm 2013.

Trên cơ sở nghiên cứu đánh giá nói trên và những dự báo về xu hướng di cư quốc tế cũng như tình hình công dân Việt Nam cư trú bất hợp pháp ở nước ngoài trong thời gian tới, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động nhận trở lại, bởi lẽ giải quyết tốt việc nhận trở lại công dân sẽ góp phần tạo thuận lợi cho việc thực hiện tốt chính sách đối ngoại của Đảng, Nhà nước ta, đồng thời bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

47. Đề tài: “Sức mạnh mềm của Mỹ dưới thời Tổng thống B. Obama giai đoạn 2009-2012”.

Học viên: Nguyễn Thị Lệ Thu Hiền

Bàn về chuyện “sức mạnh mềm” cũng có thể hiểu như chuyện nỗ lực xây dựng “thương hiệu của một quốc gia”, một đất nước luôn phải cố gắng làm sao để thương hiệu quốc gia mình có chỗ đứng vững chắc và xâm nhập sâu rộng vào nền chính trị thế giới. Trong xu thế toàn cầu hoá mãnh liệt và đứng trước hình ảnh đi xuống của nước Mỹ, kèm theo đó là sự trỗi dậy của các quốc gia cạnh tranh tầm ảnh hưởng với Mỹ, Tổng thống Obama ngay khi lên cầm quyền đã đặt “sức mạnh mềm” làm chính sách quan hệ quốc tế trọng tâm cốt lõi của nước Mỹ. Với những nỗ lực tích cực đổi mới trong chính sách đối ngoại với các quốc gia cùng sự lan toả bá quyền văn hoá của chính quyền Obama đã góp phần củng cố, duy trì vị thế của Mỹ trong trật tự thế giới mà Mỹ đang tiếp tục chi phối.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn “Sức mạnh mềm của Mỹ dưới thời Tổng thống B. Obama giai đoạn 2009-2012” gồm có 3 chương:

Chương 1: “Sức mạnh mềm” trong lý luận quan hệ quốc tế. Chương đầu tiên này đưa ra những hiểu biết chung nhất về khái niệm “sức mạnh quốc gia” và “sức mạnh mềm”, đặc điểm cũng như tầm quan trọng của “sức mạnh mềm” trong nền chính trị quốc tế hiện đại, bên cạnh đó cũng chỉ ra những mặt hạn chế trong việc triển khai “sức mạnh mềm” của quốc gia.

Chương 2: Thực trạng “sức mạnh mềm” của Mỹ trong nhiệm kỳ đầu của chính quyền Tổng thống B. Obama. Chương này đi sâu phân tích các yếu tố tạo thành “sức mạnh mềm” Mỹ gồm có sức mạnh trong văn hóa, tư tưởng, hệ thống giáo dục, và đặc biệt là trong truyền thông đại chúng và chính sách đối ngoại. Phân tích điểm nổi bật trong chính sách đối ngoại của Tổng thống B. Obama nhiệm kỳ I là chính sách tái can dự châu Á – Thái Bình Dương.

Chương 3: Việc sử dụng “sức mạnh mềm” của Mỹ trong quan hệ với Việt Nam giai đoạn 2009-2012. Chương này phân tích việc triển khai sức mạnh mềm của Mỹ trong quan hệ với Việt Nam trên nhiều lĩnh vực trong đó có văn hóa, giáo dục và những vấn đề lớn khác trong đối ngoại hai bên, từ đó đưa ra những khuyến nghị cụ thể trong chính sách đối ngoại của Việt Nam để thúc đẩy tăng cường mối quan hệ Việt Nam và Mỹ.

48. Đề tài: Quan hệ Việt Nam - Singapore từ năm 2000 đến năm 2012

Học viên: Nguyễn Quang Vũ

Lịch sử thế giới đã chứng minh, một quốc gia nếu chỉ coi mình là một hòn đảo biệt lập, tách biệt hoàn toàn với thế giới bên ngoài, thì quốc gia đó không thể tồn tại và phát triển bình thường được. Đặc biệt là trong thời đại ngày nay, khi mà mỗi quốc gia đều là thành viên trong cộng đồng thế giới, thì việc thiết lập, duy trì và tăng cường quan hệ hợp tác với các thành viên khác trong cộng đồng là điều hết sức cần thiết để đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của chính mình. Quan hệ Việt Nam - Singapore cũng không nằm ngoài trong tổng hòa các mối quan hệ đó.

Nghiên cứu quan hệ Việt Nam - Singapore kể từ khi hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao, đặc biệt là từ những năm đầu của Thế kỷ 21 đến nay, về mặt khoa học sẽ góp phần làm rõ sự liên hệ chặt chẽ giữa Việt Nam và Singapore trên các lĩnh vực chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hóa; góp phần tìm hiểu những bước khó khăn cũng như thuận lợi trong mỗi quan hệ giữa hai nước, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu cho Việt Nam trong quan hệ với Singapore cũng như trong quan hệ quốc tế. Về mặt thực tiễn, kết quả nghiên cứu của luận văn góp phần tổng kết, đúc kết kinh nghiệm từ những thành tựu thu được trong thời kỳ đổi mới, hội nhập quốc tế trên mặt trận đối ngoại; giúp hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta đối với đối tác quan trọng này trong những năm sắp tới.

Luận văn "**Quan hệ Việt Nam - Singapore từ năm 2000 đến năm 2012**" đã tập trung nghiên cứu, thực hiện được những nhiệm vụ sau: Phân tích những nhân tố cơ bản tác động đến quan hệ Việt Nam - Singapore từ năm 2000 đến năm 2012; Đưa ra một bức tranh tổng thể về thực trạng quan hệ Việt Nam - Singapore trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, giáo dục đào tạo và khoa học kỹ thuật từ năm 2000 đến năm 2012 để từ đó đưa ra được những nhận xét về mối quan hệ song phương này. Trên cơ sở đó, Luận văn đưa ra những dự báo về triển vọng quan hệ giữa Việt Nam - Singapore đến năm 2020, và đề xuất một số khuyến nghị đối với Đảng và Nhà nước Việt Nam nhằm góp phần đưa mối quan hệ giữa hai nước ngày càng phát triển hơn.

49. Đề Tài: Quan hệ Mỹ - Nga trong nhiệm kỳ đầu của Chính quyền Tổng thống B.Obama (2009-2012)

Học viên: Vương Toàn Thắng

Trong bốn năm nhiệm kỳ đầu tiên của Tổng thống B.Obama (từ năm 2009 đến 2012), mối quan hệ giữa Mỹ và Nga đã trải qua hai thái cực đối nghịch nhau. Khởi đầu một cách thuận lợi và nồng ấm khi tân Tổng thống Mỹ B.Obama chính thức nhậm chức và tuyên bố chương trình “tái khởi động” cho quan hệ giữa hai nước. Tuy nhiên việc “khởi động lại” mối quan hệ Mỹ - Nga sau thời gian đầu thuận lợi đã bị đình trệ do vấp phải nhiều khó khăn và thách thức do cả hai bên còn tồn tại rất nhiều bất đồng, sự xung đột về lợi ích quốc gia, va chạm chiến lược và sự khác nhau về quan điểm giữa các nhà lãnh đạo của hai nước. Trong nhiệm kỳ hai của Tổng thống B.Obama (2012 – 2016), quan hệ Mỹ - Nga tiếp tục lại bị đặt vào trạng thái “bên bờ vực thẳm” với những va chạm chiến lược và xung đột lợi ích quốc gia, khiến cho tiến trình “tái khởi động” càng trở lên mù mịt.

Tuy nhiên, sẽ khó có khả năng mối quan hệ Mỹ - Nga xảy ra biến chuyển lớn trong tương lai gần, đây vẫn sẽ là mối quan hệ đóng vai trò chủ đạo trong hệ thống Quan hệ Quốc tế, ảnh hưởng trực tiếp đến hòa bình và an ninh của thế giới, trong đó có cả Việt Nam.

Luận văn “*Quan hệ Mỹ - Nga trong nhiệm kỳ đầu Chính quyền Tổng thống B.Obama (2009-2012)*” được chia thành ba chương.

Chương 1: Đem đến cái nhìn khái quát về các yếu tố cơ bản định hình mối quan hệ Mỹ - Nga trong giai đoạn từ đầu thế kỷ XXI đến hết nhiệm kỳ đầu tiên của Chính quyền Tổng thống B.Obama (2012) nhằm phân tích tính lịch sử và các nhân tố chủ đạo ảnh hưởng đến mối quan hệ hai nước.

Chương 2: Tác giả tập trung phân tích thực trạng mối quan hệ giữa hai nước theo từng vấn đề cụ thể như: chính trị, quốc phòng – an ninh, kinh tế để thấy được rõ sự phát triển của mối quan hệ này. Dựa trên các phân tích đó, phần cuối chương sẽ được dành để đánh giá những vấn đề còn tồn tại trong quan hệ giữa hai nước.

Chương 3: Phân tích quan hệ Mỹ - Nga trong nhiệm kỳ 2 của chính quyền Tổng thống Obama giai đoạn 2012 – 2014, từ đó dự đoán triển vọng quan hệ giữa hai nước dựa trên những phân tích và các vấn đề đã được nêu trong hai chương trước. Trong chương này, tác giả đưa ra những dự đoán về sự thay đổi trong chính sách đối ngoại giữa hai quốc gia trong tương lai gần, và đưa ra những khuyến nghị với Việt Nam trong chiều hướng phát triển của mối quan hệ Mỹ - Nga.

50. Đề tài: Sự trỗi dậy của Trung Quốc tới trật tự khu vực châu Á - Thái Bình Dương

Học viên: Nguyễn Tuấn Anh- 1987

Kể từ khi Trung Quốc bắt đầu bước vào quá trình cải cách mở cửa sâu rộng vào những năm cuối thập kỷ 70 đầu thập kỷ 80, không có nhiều ý kiến đặt kỳ vọng vào sự phát triển mạnh mẽ của TQ sau một khoảng thời gian dài lâm vào khủng hoảng toàn diện dưới thời Mao Trạch Đông. Tuy nhiên, chỉ sau 3 thập kỷ cải cách, phát triển, TQ đã thực sự “trỗi dậy” để trở thành một trong những cường quốc hàng đầu thế giới trên nhiều phương diện từ kinh tế, chính trị, văn hóa... Cộng đồng quốc tế bị thu hút bởi bước phát triển thần kỳ của TQ, theo đó TQ trỗi dậy là một trong những chủ đề nóng bỏng nhất, được quan tâm nhiều nhất tại các diễn đàn quốc tế thời gian qua. Tuy nhiên, sự trỗi dậy của TQ đã tạo ra những tác động lớn tới trật tự quan hệ quốc tế tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương và quan hệ giữa Trung Quốc với các quốc gia láng giềng trong khu vực. Về mặt lý luận, cộng đồng nghiên cứu quan hệ quốc tế cũng bị chia rẽ sâu sắc trong vấn đề liên quan tới tính tích cực và tiêu cực của TQ trỗi dậy đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Để làm sáng rõ phần nào những mâu thuẫn giữa các lý thuyết, luận văn sẽ đi sâu đánh giá tác động của TQ trỗi dậy đối với trật tự tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương; qua đó xác định cụ thể những kịch bản khả thi đối với sự biến đổi của trật tự trong tương lai.

Ngoài các phần Mở đầu, Kết luận, Mục lục, Danh mục tài liệu tham khảo, Đề tài được chia làm 3 chương chính:

Chương 1 “*Khái quát về sự trỗi dậy của Trung Quốc và một số phản ứng trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương*” sẽ làm rõ được đặc điểm và tính chất của sự trỗi dậy của Trung Quốc trên các lĩnh vực tính đến năm 2012 - 2013.

Chương 2 “*Đánh giá tác động của việc Trung Quốc trỗi dậy tới trật tự khu vực châu Á - Thái Bình Dương nhìn từ góc độ lý luận quan hệ quốc tế*” sẽ tập trung phân tích cơ sở lý thuyết và thực tiễn tại châu Á - Thái Bình Dương về sự hình thành và những tác động của một cường quốc trỗi dậy tới tính liên tục và thống nhất của trật tự.

Chương 3 “*Một số dự báo về khu vực châu Á - Thái Bình Dương thời gian tới*” sẽ nêu một số dự báo về diễn biến tình hình tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương và mô hình trật tự mới trong tương lai xa hơn tới năm 2030; sau đó, đưa ra những đánh giá về tác động của tình hình khu vực tới lợi ích, an ninh quốc gia của Việt Nam.

51. Đề tài: Vấn đề An ninh hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên dưới thời Kim Jong Un

Học viên: Nguyễn Văn Bình

Trong 17 năm cầm quyền của Kim Jong Il, bán đảo Triều Tiên luôn là một điểm nóng về an ninh hạt nhân, thu hút sự chú ý của khu vực và thế giới với các vụ thử tên lửa, vũ khí hạt nhân cũng như những hành động cứng rắn của Triều Tiên phản ứng đối với chính sách thù địch của Mỹ và các đồng minh khu vực. Tình hình này không những tiếp diễn mà còn leo thang căng thẳng với cường độ ngày càng cao chỉ trong hơn ba năm Kim Jong Un trở thành lãnh đạo tối cao của Triều Tiên. Các vụ phóng tên lửa, vệ tinh và thử vũ khí hạt nhân (lần ba) liên tiếp của chính quyền Kim Jong Un cho thấy quốc gia này đang tiến gần hơn đến công nghệ sản xuất vũ khí hạt nhân. Thành tựu này đã tạo ra một vị thế mới, giúp Triều Tiên tự tin hơn trong việc đối phó với Mỹ và các đồng minh đồng thời mở ra một giai đoạn mới trong vấn đề An ninh hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên. Là một quốc gia khu vực Châu Á – Thái Bình Dương với chủ trương hội nhập tích cực và có trách nhiệm vào các vấn đề khu vực, lại đang trong quá trình xây dựng nhà máy điện hạt nhân, thì việc nghiên cứu vấn đề an ninh hạt nhân là một nhu cầu thực tế của Việt Nam.

Luận văn với đề tài “*Vấn đề An ninh hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên dưới thời Kim Jong Un*” nhằm mục tiêu: (1) đánh giá thực trạng, phân tích nguyên nhân chi phối tình hình an ninh hạt nhân trên Bán đảo Triều Tiên dưới thời Kim Jong Un; (2) dự báo triển vọng tình hình an ninh hạt nhân bán đảo Triều Tiên đến năm 2020, cụ thể:

Chương 1: Làm rõ một số khái niệm: an ninh hạt nhân là gì? Nội hàm của An ninh hạt nhân trong quan hệ quốc tế; bản chất của vấn đề an ninh hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên. Mặt khác, chương 1 sẽ đưa ra một bức tranh tổng thể về quá trình hình thành và phát triển cũng như giải pháp đối với vấn đề an ninh hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên dưới thời Kim Nhật Thành và Kim Jong Il. Từ đó, có thể thấy vấn đề an ninh hạt nhân dưới thời Kim Jong Un là một bước phát triển tiếp theo của vấn đề.

Chương 2: Phân tích những diễn biến mới của vấn đề an ninh hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên từ khi Kim Jong Un lên nắm quyền đến nay và chỉ ra các nguyên nhân dẫn đến tình trạng đó. Đồng thời chương 2 cũng hệ thống hóa lại quá trình đàm phán, ký kết hiệp định Leap Day và lý giải tại sao các giải pháp này không thành công.

Chương 3: Chỉ ra những nhân tố bên trong và nhân tố bên ngoài tác động đến vấn đề trong thời gian tới. Bên cạnh đó chương 3 cũng dự báo triển vọng của vấn đề an ninh hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên từ nay đến năm 2020.

52. Đề tài: Hợp tác kinh tế ASEAN đến năm 2020: Khả năng hình thành một liên minh thuế quan

Học viên: Đoàn Anh Hùng

Bước vào thế kỷ 21, tình hình thế giới và khu vực có nhiều thay đổi nhanh chóng và sâu sắc. ASEAN nằm ở châu Á - Thái Bình Dương, khu vực địa chính trị, được đánh giá là khu vực năng động, sẽ phát triển nhanh và nóng nhất trong vài thập kỷ tới. Bên cạnh đó, các nền kinh tế lớn nhất thế giới tập trung ở khu vực này như Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ. Từ thực tiễn trên chúng ta thấy ASEAN dần trở thành tâm điểm của khu vực châu Á-Thái Bình Dương và sẽ có nhiều thuận lợi cũng như thách thức trong hợp tác, phát triển kinh tế các quốc gia và khu vực, tăng cường hơn nữa liên kết kinh tế bằng việc tạo ra liên minh thuế quan khu vực, nhằm tạo sự đồng nhất trong quy chế thương mại.

Để kịp thích ứng với tình hình mới các nước thành viên của ASEAN đang từng ngày thay đổi và phát triển cho kịp với tình hình chung của thế giới và một hướng đi đúng đắn là các quốc gia ASEAN phải đoàn kết, hợp tác sâu rộng, toàn diện trong nội khối tạo thành một tổ chức vững mạnh về kinh tế, chính trị-an ninh, văn hóa-xã hội.

Đề tài “***Hợp tác kinh tế ASEAN đến năm 2020: Khả năng hình thành một liên minh thuế quan***” đánh giá về các điều kiện trong liên kết kinh tế nội khối, xem xét các điều kiện cần và đủ để ASEAN trở thành một liên minh thuế quan. Từ tổng quan về lý thuyết hội nhập quốc tế nói chung và hội nhập trong lĩnh vực kinh tế nói riêng, đánh giá tổng quan về quá trình hình thành và hợp tác kinh tế khu vực ASEAN, các nhân tố tác động đến hình thành liên minh thuế quan trong ASEAN. Thông qua thực tiễn liên kết nội khối ASEAN, đặc biệt là liên kết kinh tế nhằm đánh giá về những nhân tố có tác động tích cực cũng như tiêu cực đến quá trình hợp tác kinh tế ASEAN để dự báo khả năng hình thành một liên minh thuế quan đến năm 2020 và đưa ra những dự báo, những kịch bản trong hợp tác kinh tế khu vực đến năm 2020, đánh giá những tác động tới Việt Nam và kiến nghị một số chính sách.

53. Đề tài: Quan hệ Nga - Trung Quốc trong Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO) từ năm 2001 đến nay và chiều hướng vận động đến năm 2020

Học viên: Lương Thị Ngọc Tú

Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO) đóng vai trò là khuôn khổ cho quan hệ Nga – Trung Quốc tại Trung Á. Nắm vững quan hệ Nga – Trung Quốc trong SCO, giúp Việt Nam có thể hoạch định tốt chính sách đối ngoại không chỉ với Trung Quốc, Nga mà còn với các nước thành viên, các quan sát viên, đối tác đối thoại của SCO. Năm 2001 đánh dấu sự ra đời của SCO và sự kiện Nga và Trung Quốc ký “Hiệp ước láng giềng thân thiện, hữu nghị và hợp tác Trung – Nga” nhằm thúc đẩy toàn diện quan hệ song phương lên cấp độ cao hơn; còn năm 2020 là năm kết thúc của 2 thập niên đầu thế kỷ XXI, là mốc lịch sử quan trọng đã được chọn làm năm kết thúc cho nhiều chương trình, kế hoạch phát triển trọng đại trên phạm vi các quốc gia cũng như trên quy mô toàn cầu. Dựa vào những lập luận trên, học viên chọn “Quan hệ Nga – Trung Quốc trong Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO) từ năm 2001 đến nay và chiều hướng vận động đến năm 2020” làm đề tài luận văn.

Bộ cục của luận văn gồm 3 chương. Chương 1 khái quát diễn biến quan hệ Nga – Trung Quốc từ sau Chiến tranh Lạnh đến năm 2000 và từ năm 2001 đến nay. Tiếp đó phân tích quá trình hình thành và phát triển của SCO một cách có hệ thống từ tổ chức, hoạt động của SCO đến các lĩnh vực hợp tác, hạn chế của tổ chức này. Chương 2 tập trung phân tích lợi ích của Nga, Trung Quốc trong SCO và tại Trung Á tiếp đó là những thành quả của Hợp tác Nga – Trung Quốc cũng như cạnh tranh Nga – Trung Quốc trong khuôn khổ SCO và tại Trung Á trong các lĩnh vực, điển hình là chính trị, an ninh, kinh tế. Chương 3 đưa ra những dự báo về tương lai của Quan hệ Nga – Trung Quốc trong SCO đến năm 2020 trên cơ sở các phân tích về bối cảnh thế giới và khu vực Trung Á cùng với sự vận động của quan hệ Nga – Trung Quốc và SCO trong cùng giai đoạn.

54. Đề tài: Chính sách chống phổ biến vũ khí hạt nhân của Mỹ với khu vực Đông Nam Á từ sau chiến tranh Lạnh

Học viên: Cái Ngọc Thiên Hương

Chống phổ biến vũ khí hạt nhân là một vấn đề đang ngày càng trở nên “nóng” hơn trong khu vực khi chính sách này được định hình rõ nét và đầy mạnh triển khai dưới thời Tổng thống Obama với chiến lược “Tái cân bằng tại châu Á Thái Bình Dương” với trọng tâm là khu vực Đông Nam Á. Hơn thế nữa, Việt Nam hiện nay đang theo đuổi chương trình điện hạt nhân nên việc nghiên cứu chính sách này của Mỹ, cường quốc dẫn đầu các nỗ lực chống phổ biến VKHN trên thế giới, sẽ giúp Việt Nam chuẩn bị tốt hơn về mặt chính sách, hạn chế những nghi ngờ phát triển VKHN như trường hợp của Iran.

Chính sách chống phổ biến VKHN của Mỹ tại khu vực Đông Nam Á phải đến thời Tổng thống Obama mới được định hình rõ nét. Dựa trên cơ sở lợi ích quốc gia của Mỹ, thực trạng phổ biến VKHN cũng như sự quan tâm của khu vực Đông Nam Á đến lĩnh vực chống phổ biến VKHN, Mỹ đã đưa ra chính sách với hai trọng tâm là phát huy vai trò trung tâm của ASEAN trong các cơ chế chống phổ biến VKHN và hợp tác với các nước trong khu vực về năng lượng hạt nhân dân sự. Sau một thời gian triển khai, chính sách này của Mỹ đã có những tác động tích cực đến khu vực và từng quốc gia, trong đó rõ nét nhất là trường hợp Việt Nam. Tuy nhiên, bên cạnh những tác động tích cực, chính sách này vẫn đang trong giai đoạn đầu triển khai nên vẫn còn nhiều hạn chế cần phải khắc phục. Trong tương lai, chính sách này sẽ được Mỹ quan tâm nhiều hơn, sẽ đi vào thực chất nhiều hơn, sẽ có hiệu quả hơn so với hiện nay.

Nắm được Mỹ đã quan tâm hơn đến chính sách này từ thời Tổng thống Obama, Việt Nam đã đưa ra chính sách phù hợp: tăng cường hợp tác song phương với Mỹ thông qua việc ký kết các hiệp định, các biên bản ghi nhớ... cũng như thông qua các chương trình hợp tác trong khuôn khổ các sáng kiến do Mỹ đề xuất như Megaports nhằm tạo ra cơ sở pháp lý cho chương trình điện hạt nhân của mình đồng thời đảm bảo an ninh quốc gia cũng như tăng cường quan hệ Việt - Mỹ./.

55. Đề tài: Quan hệ hợp tác – đối tác toàn diện Việt Nam – Liên minh châu Âu: Thành tựu và triển vọng

Học viên: Phạm Thị Thu Hương

Kể từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao (28/11/1990) đến nay, quan hệ Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EU) đã trải qua một quá trình phát triển tích cực và năng động. EU hiện là một trong những đối tác quan trọng hàng đầu của Việt Nam trên nhiều lĩnh vực từ chính trị - ngoại giao, hợp tác phát triển, thương mại - đầu tư, khoa học - công nghệ đến ứng phó với các thách thức toàn cầu.

Việt Nam luôn coi trọng thúc đẩy quan hệ với EU cũng như với các nước thành viên EU. Phát triển quan hệ với EU nằm trong chủ trương mở rộng quan hệ quốc tế của Việt Nam ngay từ những năm đầu của công cuộc đổi mới. Trong hơn 20 năm qua, quan hệ hai bên đã phát triển nhanh chóng và sâu rộng. Lãnh đạo cấp cao hai bên luôn khẳng định coi trọng tăng cường hợp tác nhiều mặt, tương xứng với tiềm năng và vị thế của hai bên.

Việc ký chính thức Hiệp định PCA và việc đàm phán Hiệp định FTA Việt Nam - EU là bước phát triển hết sức quan trọng đưa quan hệ Việt Nam - EU chuyển sang một giai đoạn mới theo tinh thần đối tác bình đẳng, hợp tác toàn diện, lâu dài, mang lại nhiều lợi ích cho cả hai bên.

Đặc biệt trong tình hình thế giới đang phát triển theo xu thế toàn cầu hóa, khu vực hóa với nhiều diễn biến thuận nghịch đan xen, nội bộ EU cũng phải đối mặt với không ít khó khăn như vấn đề nợ công, những bất đồng trong chính sách đối ngoại... thì vấn đề nhận thức đầy đủ tình hình của Việt Nam đối với một đối tác lớn là vô cùng quan trọng. Nghiên cứu quan hệ Việt Nam - EU trong tiến trình xây dựng quan hệ hợp tác – đối tác toàn diện trong bối cảnh đầu thế kỷ 21 để có cách nhìn đúng đắn, đầy đủ về thực trạng cũng như triển vọng quan hệ của hai bên, từ đó đưa ra những dự báo, khuyến nghị nhằm tận dụng tối đa những thuận lợi, hạn chế những khó khăn để đưa mối quan hệ hợp tác – đối tác toàn diện đi vào thực chất.

Luận văn với đề tài: **“Quan hệ hợp tác – đối tác toàn diện Việt Nam – Liên minh châu Âu: Thành tựu và triển vọng”** đã tập trung nghiên cứu cơ sở xây dựng quan hệ hợp tác toàn diện giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu, thành tựu mới quan hệ này cũng như phân tích, đánh giá những thuận lợi và khó khăn tác động đến mối quan hệ giữa hai bên nhằm đưa ra dự báo triển vọng đến năm 2020.

Trên cơ sở nghiên cứu đánh giá nói trên, tác giả cũng mạnh dạn đề xuất phương hướng và một số biện pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả hợp tác giữa Việt Nam với Liên minh châu Âu trong thời gian tới trên cơ sở phát huy tối đa nguồn lực, tương xứng với tiềm năng của hai bên.

56. Đề tài: Ảnh hưởng của nhân tố nội bộ đến chính sách đối ngoại của Trung Quốc từ sau Chiến tranh Lạnh.

Học viên: Đỗ Thành Trung

Sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, hệ thống Xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ, cục diện thế giới hai cực bị xóa bỏ, Trung Quốc thoát khỏi thế kẹt giữa hai cường quốc Mỹ và Liên Xô, ra sức thực hiện chiến lược “tăng tốc” phát triển, sức mạnh tổng hợp của Trung Quốc được tăng lên nhanh chóng, vị thế và vai trò của Trung Quốc trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao. Sự trỗi dậy của Trung Quốc trở thành một trong những điểm nổi bật của quan hệ quốc tế hiện nay, đã, đang và sẽ tác động sâu sắc đến cục diện thế giới, nhất là ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Chính sách đối ngoại của Trung Quốc sẽ phát triển theo chiều hướng nào, những nhân tố nào có thể ảnh hưởng tới chính sách đối ngoại của Trung Quốc đã trở thành chủ đề quan tâm của nhiều nước trên thế giới.

Trung Quốc là nước láng giềng lớn của Việt Nam, có ý nghĩa quan trọng hàng đầu trong chiến lược phát triển của Việt Nam. Mọi điều chỉnh của Trung Quốc về chính sách đối ngoại đều ảnh hưởng trực tiếp đến Việt Nam. Vì vậy việc nghiên cứu đánh giá về chính sách đối ngoại của Trung Quốc là một yêu cầu bức thiết với Việt Nam.

Luận văn với đề tài: “**Ảnh hưởng của nhân tố nội bộ đến chính sách đối ngoại của Trung Quốc từ sau Chiến tranh Lạnh**” đã tập trung nghiên cứu, phân tích thực trạng tranh giành quyền lực trong nội bộ Trung Quốc qua các thời kỳ và tác động của nó đến việc hoạch định, điều chỉnh và thi hành chính sách đối ngoại của Trung Quốc, từ đó đưa ra một số dự báo về hướng phát triển của chính sách đối ngoại của Trung Quốc trong thời gian tới và đánh giá ảnh hưởng của nó tới Việt Nam. Đồng thời, trên cơ sở nghiên cứu, đánh giá nói trên, tác giả cũng mạnh dạn đưa ra một số phương hướng, biện pháp cụ thể nhằm ứng phó với những thay đổi trong chính sách đối ngoại của nước láng giềng Trung Quốc trong thời gian tới.

57. Đề tài: Hợp tác quốc tế trong phòng chống ma túy giữa Việt Nam và các nước có chung đường biên giới gian đoạn 2003-2013

Học viên: Phạm Tùng Lâm

Ma túy hủy hoại cuộc sống và cộng đồng, xói mòn sự phát triển ổn định của nhân loại và là nguồn gốc phát sinh tội phạm. Ma túy tác động đến mọi mặt trong đời sống xã hội ở tất cả các quốc gia, đặc biệt, lạm dụng ma túy ảnh hưởng tới tự do và phát triển của thanh niên - nguồn tài sản quý giá nhất của thế giới.

Bên cạnh đó, sau chiến tranh lạnh, vấn đề toàn cầu hóa phát triển mạnh mẽ, tình tùy thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia tăng lên. Tính chất nguy hiểm của các mối đe dọa an ninh phi truyền thống không chỉ biểu hiện ở mức độ hủy hoại, mà còn đặt ra nhiều thách thức đối với sự ổn định xã hội, sự tồn vong của cả cộng đồng.

Ma túy và tội phạm ma túy ở Việt Nam cũng giống như các nước đang phát triển có quy mô xuyên quốc gia, quốc tế. Hiện nay, ma túy ở Việt Nam chủ yếu xâm nhập từ bên ngoài vào lãnh thổ nhất là trên các tuyến biên giới Việt – Trung, Việt – Lào, Việt Nam - Campuchia. Chính vì vậy, để giải quyết và đối phó với những vấn đề này đòi hỏi phải có sự nỗ lực chung của cộng đồng quốc tế, sự cố gắng của mỗi quốc gia, con người để giải quyết vấn đề này...

Luận văn với đề tài: “**Hợp tác quốc tế trong phòng chống ma túy giữa Việt Nam và các nước có chung đường biên giới gian đoạn 2003-2013**” đã tập trung nghiên cứu cơ sở hình thành hợp tác quốc tế phòng chống ma túy giữa Việt Nam với các nước có chung đường biên giới, đồng thời đã chỉ ra được thực trạng hợp tác quốc tế Việt Nam với Trung Quốc, Lào, Campuchia trong hai giai đoạn trước và sau khi ký Nghị định hợp tác quốc tế trong phòng, chống ma túy. Từ đó, nêu ra những kết quả cụ thể đạt được, tác động tích cực cũng như hạn chế.

Trên cơ sở nghiên cứu phân tích những kết quả đạt được, những khó khăn, tác giả cũng mạnh dạn đề xuất phương hướng và một số biện pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả hiệu quả hợp tác quốc tế phòng chống ma túy giữa Việt Nam và các nước có chung đường biên giới trong thời gian tới.

58. Đề tài: Mô hình liên kết khu vực Liên minh châu Âu đầu thế kỷ XXI: Những vấn đề đặt ra và triển vọng

Học viên: Đỗ Trang Nhung

Sau hơn 60 năm hình thành và phát triển, EU đã đạt được những thành tựu to lớn về liên kết kinh tế với việc từng bước hình thành thị trường chung cho cả khối. Từ những thành công này, EU đã mở rộng liên kết sang lĩnh vực chính trị - an ninh, tiến từng bước vững chắc trên con đường cải cách thể chế, tạo nên một môi trường thể chế dân chủ, minh bạch và hiệu quả hơn, tạo cơ sở để tiếp tục đẩy mạnh liên kết sang lĩnh vực văn hóa và xã hội. EU là một hiện tượng chưa từng có tiền lệ trong quan hệ quốc tế: đó là một thực thể liên kết đan xen giữa các yếu tố chính trị, kinh tế và trên tất cả là sự hội nhập về pháp luật của 28 quốc gia từng trải qua một lịch sử giao tranh kéo dài. Với hơn 40 năm hình thành và phát triển, ASEAN đã có những thành công nhất định về liên kết, hội nhập, tuy vậy, để xây dựng mô hình phát triển vững chắc, ASEAN còn phải học tập rất nhiều, đặc biệt từ những bài học thành công và thách thức của EU.

Xuất phát từ việc nghiên cứu mô hình liên kết khu vực, hội nhập của Liên minh châu Âu có thể góp phần định hướng cho sự phát triển của ASEAN trong tương lai, đặc biệt là quá trình hình thành Cộng đồng chung ASEAN vào năm 2015. Từ đó có thể thấy việc nghiên cứu đề tài “Mô hình liên kết khu vực Liên minh châu Âu đầu thế kỷ XXI: Những vấn đề đặt ra và triển vọng” là cần thiết, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn, góp phần nâng cao vai trò của Việt Nam trong tổ chức ASEAN cũng như trong quan hệ Việt Nam – EU.

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận, bài Luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Khái quát mô hình liên kết hội nhập khu vực của Liên minh châu Âu: Ở phần này, bài nghiên cứu sẽ nêu sơ lược về quá trình hình thành mô hình liên kết hội nhập khu vực của Liên minh châu Âu. Tiếp đó bài nghiên cứu sẽ phân tích sâu hơn về mô hình liên kết dựa trên mục tiêu, nguyên tắc thành lập, mức độ liên kết, hệ thống các thiết chế và dạng thức liên kết của Liên minh châu Âu.

Chương 2: Thành tựu và những vấn đề còn tồn tại trong mô hình liên kết khu vực của Liên minh châu Âu: Qua 3 lĩnh vực chính là kinh tế, văn hóa - xã hội và an ninh - chính trị, bài nghiên cứu sẽ đi sâu phân tích những thành công của mô hình để lý giải tại sao mô hình này lại trở thành hình mẫu cho sự phát triển của Chủ nghĩa khu vực. Bên cạnh những thành công kể trên, mô hình liên kết và hội nhập khu vực của liên minh châu Âu hiện đang phải đối mặt với rất nhiều thách thức: Vấn đề mở rộng liên minh, khủng hoảng nợ công, phòng thủ chung,..

Chương 3: Triển vọng EU đến năm 2020 và một số bài học từ mô hình liên kết khu vực của Liên minh châu Âu đối với ASEAN: Từ những thành công và thách thức của mô hình liên kết khu vực của Liên minh châu Âu, tác giả sẽ đưa ra một số dự báo triển vọng, xu hướng phát triển của EU đến năm 2020; đồng thời tìm ra một số bài học từ mô hình liên kết khu vực của EU đối với ASEAN.

59. Đề tài: Nhân tố văn hóa trong quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc từ năm 1992 đến nay.

Học viên: Dương Thị Minh Thu

Ngày 22/12/1992, Việt Nam và Hàn Quốc đã ra Tuyên bố chung về việc thiết lập quan hệ ngoại giao cấp Đại sứ. Đây là một sự kiện có ý nghĩa quan trọng, mở ra một trang mới trong lịch sử bang giao giữa hai nước, thể hiện ý chí và nguyện vọng của nhân dân hai nước cùng hướng tới tương lai, chung tay xây dựng mối quan hệ hữu nghị hợp tác vì sự phồn vinh chung của hai dân tộc. Trong tổng quan mối quan hệ hữu nghị này, nhân tố văn hóa luôn được Chính phủ hai nước quan tâm và trân trọng.

Nhận thấy mối quan hệ hữu nghị này hết sức tốt đẹp và đầy triển vọng trong tương lai, tác giả quyết định chọn đề tài “**Nhân tố văn hóa trong quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc từ năm 1992 đến nay**” để nghiên cứu và phân tích nhằm bảo vệ luận văn thạc sỹ này.

Nội dung của đề tài là đánh giá nhân tố văn hóa trong quan hệ Việt – Hàn, bước đầu làm rõ vai trò của văn hóa trong việc củng cố và phát triển mối quan hệ song phương Việt - Hàn. Qua đó đưa ra một số kiến nghị nhằm củng cố và tăng cường phát triển quan hệ hữu nghị giữa hai quốc gia. Bên cạnh đó đề tài tập trung phân tích tổng quan mối quan hệ về mọi mặt mà hiện nay Việt Nam và Hàn Quốc đã và đang có. Đặc biệt, phân tích đánh giá các hoạt động trao đổi, giao lưu, tiếp xúc văn hóa của hai nước, nhất là trong bối cảnh hội nhập quốc tế như hiện nay.

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn được chia thành ba chương, cụ thể như sau:

Chương 1: Giới thiệu một số vấn đề cơ bản về nền văn hóa của Hàn Quốc – Truyền thống và hiện đại, một số nét tương đồng với văn hóa Việt Nam. Bên cạnh đó nhấn mạnh nhân tố văn hóa có ý nghĩa to lớn trong quan hệ hợp tác quốc tế giữa hai quốc gia.

Chương 2: Khái quát về quan hệ Việt – Hàn và chính sách đối ngoại của hai nước từ năm 1992 đến nay, thông qua quá trình hình thành và phát triển của hai nước và khái quát lịch sử quan hệ Việt Nam – Hàn Quốc trên các lĩnh vực hợp tác mà hai nước đã có, đồng thời phân tích nhân tố văn hóa trong quan hệ Việt – Hàn thông qua việc đánh giá hợp tác Việt – Hàn trên lĩnh vực văn hóa – xã hội và vai trò của văn hóa trong quan hệ chung hai quốc gia.

Chương 3: Phân tích nhân tố văn hóa trong quan hệ Hàn – Việt, đánh giá triển vọng quan hệ văn hóa Việt – Hàn với những thách thức và thuận lợi trong việc thúc đẩy quan hệ ngoại giao song phương.

60. Đề tài: Cạnh tranh Mỹ - Trung tại Đông Nam Á từ năm 2008 đến năm 2011

Học viên: Lê Thu Hà – Cao học K13

Trong giai đoạn 2008 – 2011, nước Mỹ phải đối mặt với nhiều vấn đề đối nội và đối ngoại phức tạp đòi hỏi Chính quyền Tổng thống Obama phải đưa ra quyết định điều chỉnh lớn về mặt chiến lược để đưa nước Mỹ thoát khỏi những khó khăn hiện nay. Trong khi đó, Đông Nam Á là khu vực đang nổi lên, có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển của hầu hết các nước lớn, là một trong những trung tâm kinh tế, chính trị của Châu Á – Thái Bình Dương. Điều này dẫn đến dẫn đến xung đột lợi ích và cạnh tranh ảnh hưởng giữa các quốc gia đã bắt đầu diễn ra nhanh chóng và phức tạp trong khu vực này.

Với sự giao thoa lợi ích của hai nước ở Đông Nam Á, cọ xát Mỹ – Trung có nhiều biểu hiện gia tăng. Trung Quốc đã và đang gia tăng ảnh hưởng tại nhiều nước Đông Nam Á, tăng cường hợp tác nhiều mặt với các nước ASEAN và có ý đồ lấn lướt ảnh hưởng của Mỹ trong tiến trình hợp tác khu vực. Mỹ buộc phải điều chỉnh chính sách theo hướng tăng cường quan hệ với khu vực; sự hiện diện của Mỹ tại khu vực là nhân tố quan trọng nhằm duy trì sự cân bằng quyền lực, ngăn chặn ảnh hưởng của Trung Quốc tại khu vực và ngăn chặn Trung Quốc thách thức vai trò và lợi ích của Mỹ.

Với những lí do trên, tác giả lựa chọn đề tài “Cạnh tranh Mỹ – Trung tại Đông Nam Á từ năm 2008 đến năm 2011” làm đề tài nghiên cứu luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Quan hệ Quốc tế. Luận văn đã đi sâu nghiên cứu và giải quyết các vấn đề chủ yếu sau:

(i) Nghiên cứu tầm quan trọng của Đông Nam Á đối với Mỹ và Trung Quốc đồng thời làm rõ lợi ích và chính sách của Mỹ và Trung Quốc tại khu vực này.

(ii) Phân tích thực trạng cạnh tranh Mỹ – Trung tại Đông Nam Á trong giai đoạn 2008 – 2011 trên các diễn đàn song phương, đa phương và cạnh tranh trực tiếp giữa hai nước.

(iii) Trên cơ sở nghiên cứu đánh giá nói trên, tác giả đánh giá tác động của cạnh tranh Mỹ – Trung đối với khu vực Đông Nam Á và Việt Nam; dự báo chiều hướng cạnh tranh của cặp quan hệ này trong thời gian tới.

61. Đề tài: “Chính sách của TQ đối với CPC từ năm 1993 đến nay”

Học viên: Đỗ Mạnh Hà

Trong bối cảnh quốc tế, khu vực hiện nay, xu thế hợp tác cùng phát triển trở thành xu thế chính của thời đại và là yêu cầu tất yếu, khách quan. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt hợp tác cùng phát triển thì còn tồn tại những hệ lụy tác động, ảnh hưởng đến bản thân các nước hợp tác và các nước đối tác khác trong khu vực. Chúng ta đều biết chính sách đối ngoại là tiếp nối của chính sách đối nội, bản thân trong nội tại các nước cũng tồn tại những mâu thuẫn trong chính sách dẫn đến việc thời xuyên điều chỉnh chính sách đối nội, đối ngoại để phù hợp với thực tiễn và xu thế của thời đại. Chính sách của TQ đối với CPC từ năm 1993 đến nay cũng vậy, luôn có sự thay đổi, điều chỉnh để phù hợp với lợi ích và nhu cầu nội tại trong nước TQ. Sự điều chỉnh và thực thi chính sách đối ngoại của TQ đối với CPC có tác động, ảnh hưởng đến bản thân CPC, các nước ASEAN và Việt Nam. Do vậy, việc nghiên cứu đề tài “Chính sách của TQ đối với CPC từ năm 1993” là làm rõ mục đích sau: (1) Nghiên cứu cơ sở xây dựng chính sách của TQ đối với CPC; (2) Nội dung trong chính sách của TQ đối với CPC từ năm 1993 đến nay; (3) Tác động chính sách của TQ đối với CPC, khu vực, Việt Nam và dự báo, kiến nghị, đề xuất.

Lịch sử cận đại và hiện đại của Việt Nam và CPC cho thấy rằng, mọi sự biến động trong đời sống chính trị, kinh tế xã hội của nước này đều có ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến nước kia và ngược lại. Đặc biệt, trong bối cảnh toàn cầu hóa, khu vực hóa ngày càng tăng, sự tương tác và tùy thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia ngày càng lớn thì những tác động và ảnh hưởng về an ninh chính trị của CPC đối với Việt Nam cũng càng lớn hơn. Trên cơ sở lý luận đó, luận văn sẽ có ý nghĩa đóng góp trên một số khía cạnh sau: (1) Luận văn là công trình nghiên cứu về chính sách của TQ đối với CPC từ năm 1993 đến nay trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế và các lĩnh vực khác; (2) Trên cơ sở đó, luận văn đưa ra những tác động ảnh hưởng, dự báo và kiến nghị đối với VN trong điều chỉnh quan hệ với TQ và CPC.

Bố cục luận văn: (1) **Chương 1:** Các nhân tố hình thành chính sách của TQ đối với Campuchia; (2) **Chương 2:** Mục tiêu và quá trình thực hiện chính sách của TQ đối với Campuchia từ năm 1993 đến nay; (3) **Chương 3:** Chính sách của TQ đối với Campuchia: Tác động, dự báo và kiến nghị.

62. Đề tài: Xu thế dân chủ hóa trong quan hệ quốc tế trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI

Học viên: Trần Thị Quỳnh Mai

Bước sang thế kỷ XXI, các nước như Trung Quốc, Nga, Ấn Độ, Brazil và một số nước đang phát triển ngày càng gia tăng sức mạnh, có khả năng cạnh tranh vị thế lãnh đạo thế giới với Mỹ trong nền kinh tế quốc tế. Toàn cầu hóa là một nhân tố quan trọng thúc đẩy sự hợp tác, liên kết giữa các quốc gia trong lĩnh vực kinh tế, an ninh – quốc phòng và đối phó với các nguy cơ an ninh phi truyền thống. Bối cảnh này mở ra cơ hội cho những nước vừa và nhỏ thể hiện vai trò và vị thế trên trường quốc tế, thay vì bị phụ thuộc và áp đặt bởi các nước lớn như các giai đoạn trước đó.

Vấn đề “dân chủ hóa quan hệ quốc tế” đã được các học giả trên thế giới đề cập đến trong các nghiên cứu về chính trị thế giới sau Chiến tranh lạnh. Tại Việt Nam, Đại hội Đảng XI đã dự báo tình hình thế giới và trong nước những năm sắp tới như sau: “*Cục diện thế giới đa cực ngày càng rõ hơn, xu thế dân chủ hoá trong quan hệ quốc tế tiếp tục phát triển nhưng các nước lớn vẫn sẽ chi phối các quan hệ quốc tế*”. Như vậy, xu thế dân chủ hóa được Đảng ta nhận định là một xu thế lớn trong quan hệ quốc tế thế kỷ XXI.

Luận văn với đề tài “**Xu thế dân chủ hóa trong quan hệ quốc tế trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI**” được triển khai theo 3 chương, trong đó làm rõ nội dung và bản chất của dân chủ hóa trong quan hệ quốc tế, từ đó phân tích và đánh giá mức độ, chiều hướng phát triển của xu thế này trong tương lai.

Trong quá trình nghiên cứu đề tài này, tác giả hướng đến mục tiêu chính là làm nổi bật vai trò ngày càng tăng và sự tham gia nhiều hơn của các nước vừa và nhỏ vào các vấn đề quốc tế, và quan hệ bình đẳng hơn giữa các quốc gia, đặc biệt giữa nước phát triển và đang phát triển trong 20 năm đầu thế kỷ XXI, đồng thời cũng chỉ ra rằng: đến thời điểm năm 2020, mặc dù vai trò của các nước vừa và nhỏ được nâng cao, nhưng nước lớn vẫn sẽ tiếp tục chi phối quan hệ quốc tế.

63. Đề tài: Vai trò của khu vực Châu Á- Thái Bình Dương đối với Mỹ dưới thời tổng thống Barack Obama

Học viên: Đoàn Thị Minh Ngọc

Nước Mỹ dưới thời kì tổng thống Barack Obama đã có những thay đổi đáng kể trong chính sách đối ngoại so với các thời kì trước đó, trong đó phải kể đến sự thay đổi trong chính sách đối với Châu Á- Thái Bình Dương. Mặc dù các chính quyền tổng thống trước Barack Obama vẫn dành sự quan tâm nhất định cho khu vực này tuy nhiên phải đến khi Obama lên nhậm chức, thì chính quyền này mới thực sự nâng cao tầm quan trọng của Châu Á – Thái Bình Dương cũng như vai trò số một của khu vực này trong chính sách đối ngoại của Mỹ thế kỷ 21. Từ đó, luận văn đi sâu nghiên cứu về vai trò của khu vực châu Á – Thái Bình Dương trong việc đáp ứng các mục tiêu mà giới lãnh đạo Mỹ đặt ra dưới thời tổng thống Obama trong sự so sánh với hai người tiền nhiệm.

Luận văn “**Vai trò của khu vực Châu Á- Thái Bình Dương đối với Mỹ dưới thời tổng thống Barack Obama**” đã chỉ ra một cách khái quát về vai trò và ý nghĩa chiến lược của Châu Á- Thái Bình Dương đối với Mỹ từ sau chiến tranh Lạnh đến nay, cụ thể là dưới thời Tổng thống B.Clinton và Tổng thống G.Bush. Từ đó chỉ ra nguyên nhân sự thay đổi chính sách đối với châu Á - Thái Bình Dương từ thời Tổng thống G.Bush sang thời Tổng thống B.Obama, phân tích mục tiêu của Mỹ đối với khu vực này và đi sâu nghiên cứu vai trò của khu vực đối với chính sách đối ngoại Mỹ.

Dựa trên những phân tích nói trên, tác giả đưa ra dự báo vai trò của khu vực châu Á - Thái Bình Dương đối với chính sách đối ngoại Mỹ thời kì hậu Obama, trong đó đưa ra hai kịch bản cho mỗi đảng Dân chủ và Cộng hòa nếu một trong hai Đảng này đắc cử. Bên cạnh đó còn đánh giá về tác động thuận và nghịch của chính sách Châu Á- Thái Bình Dương đối với Việt Nam.

64. Đề tài: Quan hệ Việt Nam - Nhật Bản: 40 năm hợp tác và phát triển (1973-2013)

Học viên: Nguyễn Minh Thái

Sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, Nhật Bản có bước phát triển "thần kỳ về kinh tế" và trở thành cường quốc kinh tế lớn thứ hai trên thế giới. Việt Nam và Nhật Bản thiết lập quan hệ ngoại giao vào ngày 21 tháng 9 năm 1973. Quan hệ Việt Nam – Nhật Bản, ngày càng được tăng cường, có những bước phát triển nhanh chóng, hợp tác toàn diện trên mọi mặt về nhiều mặt lĩnh vực. Điều này phù hợp với đường lối chính sách của Đảng và nhà nước Việt Nam, nhà nước Nhật Bản, phù hợp với nguyện vọng và lợi ích của hai dân tộc, nhân dân hai nước và phù hợp với tầm vóc của mối quan hệ hai nước. Hợp tác Việt Nam – Nhật Bản mang lại lợi ích chung cho cả hai quốc gia.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn: “**QUAN HỆ VIỆT NAM - NHẬT BẢN: 40 NĂM HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN (1973 – 2013)**” gồm có 3 chương:

Chương 1: Tổng hợp các nhân tố bên ngoài và bên trong tác động đến mối quan hệ giữa Việt Nam – Nhật Bản, từ khi thiết lập quan hệ Ngoại giao đến năm 2013.

Chương 2: Nghiên cứu tổng thể quan hệ Việt Nam – Nhật Bản trong các lĩnh vực cụ thể: Chính trị - ngoại giao; Kinh tế; An ninh quốc phòng; Văn hóa, giáo dục, khoa học kỹ thuật và một số lĩnh vực khác. Trong khoảng thời gian từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao đến hết năm 2013.

Chương 3: Triển vọng trong quan hệ Việt Nam – Nhật Bản: Trong đó, đánh giá các mặt thuận lợi và khó khăn, qua đó rút ra triển vọng trong quan hệ giữa hai nước đến năm 2020 và khuyến nghị một số đề xuất.

65. Đề tài: Tác động của việc Mỹ chuyển trọng tâm chiến lược toàn cầu sang khu vực châu Á - Thái Bình Dương đến an ninh quốc gia của Việt Nam

Học viên: Trần Nguyễn Trường Hải

Khu vực châu Á - Thái Bình Dương (CA-TBD) là một trong những khu vực có tầm quan trọng bậc nhất trong quan hệ quốc tế hiện nay. Khu vực này không những là động lực phát triển kinh tế toàn cầu mà còn chứa đựng nhân tố có khả năng làm biến đổi toàn bộ cục diện chính trị thế giới.

Kế thừa chính sách đối ngoại của người tiền nhiệm G. Bush, đường lối đối ngoại của Tổng thống Obama trong nhiệm kỳ đầu tiên mềm dẻo được vận dụng một cách linh hoạt, kết hợp giữa kinh tế, ngoại giao, răn đe quân sự nhằm duy trì vai trò lãnh đạo toàn cầu của Mỹ và cam kết “tái cân bằng khu vực” trên các lĩnh vực tại CA-TBD. Chính điều này đã làm cho an ninh chính trị khu vực CA-TBD chuyển biến sâu sắc, khó lường và làm gia lo ngại về khả năng Mỹ can thiệp sâu hơn vào công việc nội bộ của các quốc gia trong khu vực. Về lâu dài, việc tăng cường lực lượng quân sự của Mỹ sẽ tạo ra nhiều tác động phức tạp đối với an ninh, ổn định của nhiều nước trong khu vực và buộc các quốc gia trong khu vực phải điều chỉnh chiến lược an ninh chính trị của quốc gia mình phù hợp với tình hình mới, trong đó có Việt Nam.

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận, luận văn “**Tác động của việc Mỹ chuyển trọng tâm chiến lược toàn cầu sang khu vực châu Á - Thái Bình Dương đến an ninh quốc gia của Việt Nam**” gồm có 3 chương:

Chương 1: Tập trung làm rõ nội dung và cách thức triển khai việc điều chuyển trọng tâm chiến lược toàn cầu của Mỹ sang CA-TBD. Ở chương này, đi sâu phân tích cơ sở cho việc điều chuyển chiến lược của Mỹ “xoay trục” từ Địa Trung Hải sang CA-TBD và khái quát cơ bản các nội dung của sự điều chỉnh trọng tâm chiến lược này, cũng như nêu rõ các biện pháp triển khai.

Chương 2: Đi sâu phân tích các tác động từ việc điều chỉnh trọng tâm chiến lược của Mỹ đến môi trường an ninh, sự phát triển của khu vực CA-TBD nói chung và an ninh quốc gia của Việt Nam nói riêng. Nêu rõ những tác động đến cấu trúc an ninh khu vực, các quan hệ của Mỹ với các quốc gia trong khu vực, trong đó có quan hệ Việt - Mỹ trong quá trình triển khai điều chỉnh chiến lược toàn cầu sang CA-TBD và đặc biệt là những tác động đến an ninh quốc gia của Việt Nam.

Chương 3: Từ những cơ sở, đặc điểm tình hình thế giới, khu vực, nhất là vai trò của khu vực CA-TBD trong quan hệ chính trị quốc tế ngày càng lớn, đưa ra một số dự báo về diễn biến tại khu vực, việc triển khai các bước đi tiếp theo của chính quyền Obama trong chính sách “can dự nhiều hơn” vào khu vực, đồng thời đưa ra những khả năng tác động đến an ninh quốc gia Việt Nam trong thời gian tới. Kiến nghị một số giải pháp cho Việt Nam trong quan hệ quốc tế trước tính toán của Mỹ đối với CA-TBD để giữ vững nền an ninh quốc gia.

66. Đề tài: Sự điều chỉnh chính sách của Trung Quốc trong vấn đề tranh chấp biển đảo ở Đông Á từ sau năm 2008 đến nay và tác động.

Học viên: Nguyễn Thị Diệu Thúy

Việc gia tăng cạnh tranh gần đây giữa Trung Quốc và các nước láng giềng của nước này về chủ quyền, tài nguyên và an ninh đối với biển đảo Đông Á trở thành một trong những điểm nóng đáng chú ý nhất ở cả khu vực và thế giới. Với tính quyết đoán và thái độ bất chấp, sự điều chỉnh chính sách của Trung Quốc trong vấn đề tranh chấp biển đảo ở Đông Á từ sau năm 2008 đến nay thực sự đã làm cho tình hình an ninh biển đảo ở Đông Á trở nên hết sức căng thẳng, phức tạp. Sự điều chỉnh ấy tác động trực tiếp đến Nhật Bản, các nước ASEAN và đặc biệt là Việt Nam. Việt Nam là quốc gia chịu ảnh hưởng lớn và trực tiếp từ sự điều chỉnh chính sách biển đảo của Trung Quốc, vì vậy nghiên cứu vấn đề này là thực sự cần thiết.

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, luận văn “**Sự điều chỉnh chính sách của Trung Quốc trong vấn đề tranh chấp biển đảo ở Đông Á từ sau năm 2008 đến nay và tác động**” được chia làm 3 chương, cụ thể như sau:

Chương 1: Khái quát tình hình tranh chấp biển đảo ở Đông Á, chương này trình bày về tầm quan trọng của vấn đề biển đảo, yêu sách của các bên tranh chấp ở Biển Đông và quần đảo Điếu Ngư/Senkaku cùng chính sách biển đảo của Trung Quốc. Qua đó, làm nổi bật thực trạng tranh chấp biển đảo ở Đông Á cùng những động thái ngày một “nước lên” của Trung Quốc trong những năm gần đây.

Chương 2: Nội dung điều chỉnh chính sách của Trung Quốc trong vấn đề tranh chấp biển đảo từ sau năm 2008 đến nay. Chương này, luận văn đi sâu vào phân tích sự điều chỉnh chính sách của Trung Quốc từ lý do điều chỉnh, mục tiêu điều chỉnh, nội dung điều chỉnh cho tới kết quả điều chỉnh của Trung Quốc để làm rõ nét khác biệt trong sự điều chỉnh của Trung Quốc ở giai đoạn trước và sau năm 2008.

Chương 3: Một số tác động của việc Trung Quốc điều chỉnh chính sách biển đảo và khuyến nghị chính sách đối với Việt Nam. Chương này, luận văn chỉ ra những tác động của việc Trung Quốc điều chỉnh chính sách biển đảo ở Đông Á đến khu vực nói chung và Việt Nam nói riêng, qua đó đưa ra một số khuyến nghị chính sách đối với Việt Nam trong vấn đề ứng phó với Trung Quốc trên Biển Đông.

67. Đề tài: Vấn đề đoàn kết nội khối ASEAN: Hiện trạng và triển vọng

Học viên: Ngô Thùy Dương

Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) thành lập ngày 08/8/1967 trên cơ sở Tuyên bố Băng-cốc, với 5 nước thành viên ban đầu là In-đô-nê-xi-a, Ma-lay-xi-a, Phi-líp-pin, Xin-ga-po và Thái Lan, với mục tiêu là phát triển hợp tác kinh tế, văn hóa, thúc đẩy tiến bộ xã hội vì hòa bình và ổn định khu vực. Sau hơn 40 năm tồn tại và phát triển, ASEAN đã trở thành một tổ chức hợp tác khu vực liên Chính phủ bao gồm 10 quốc gia Đông Nam Á (thêm 5 nước là Bru-nây, Cam-pu-chia, Lào, Mi-an-ma và Việt Nam), là một thực thể chính trị - kinh tế quan trọng ở châu Á – Thái Bình Dương, là đối tác quan trọng trong chính sách khu vực của các nước lớn và các trung tâm trên thế giới. Không chỉ là chủ thể khởi xướng nhiều sáng kiến và mở rộng hợp tác trong khu vực, ASEAN còn gia tăng liên kết theo chiều sâu trong nội bộ khối thông qua việc đẩy mạnh hơn nữa hợp tác bên trong và bên ngoài. Tầm quan trọng của đoàn kết nói chung, đoàn kết nội khối ASEAN nói riêng trong giai đoạn hiện nay và tương lai đang đặt ra nhiều vấn đề quyết định triển vọng cho ASEAN. Thực tế còn nhiều vấn đề tồn tại cần giải quyết trong ASEAN như vấn đề đồng thuận, cơ chế và các thiết chế cần thiết để thực hiện các tuyên bố, cam kết, khoảng cách phát triển và những thách thức đối với chúng... khiến cho đoàn kết nội khối càng trở nên quan trọng, cấp thiết hơn lúc nào hết.

Luận văn “Vấn đề đoàn kết nội khối ASEAN: Hiện trạng và triển vọng” nghiên cứu vấn đề trên 3 lĩnh vực chính và với một số đối tác chính từ khi ASEAN thành lập đến nay chứ không phân tích rộng hơn với các đối tác khác, các lĩnh vực khác. Đồng thời, đưa ra dự báo triển vọng phát triển của AC trong tương lai đến năm 2020 thông qua những thuận lợi và khó khăn mà ASEAN đang đối mặt.

68. Đề tài: Các vấn đề an ninh phi truyền thống tại Đông Á trong quan hệ ASEAN-Trung Quốc từ năm 2003 đến nay”

Học viên: Đinh Mai Phương

Kể từ đầu thế kỷ thứ XXI thế giới bước vào giai đoạn toàn cầu hóa, quá trình hợp tác, hội nhập quốc tế nảy sinh nhiều vấn đề mới, đe dọa đến an ninh, chủ quyền của các quốc gia dân tộc. Khái niệm an ninh phi truyền thống ra đời trong bối cảnh đó và được sử dụng rộng rãi, các vấn đề an ninh phi truyền thống như chủ nghĩa khủng bố, ô nhiễm môi trường, giá lương thực tăng cao, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh,... khiến con người lo lắng về sự an nguy và tồn vong của mình.

Quan hệ giữa ASEAN và Trung Quốc là mối quan hệ giữa một bên là cộng đồng các quốc gia vừa và nhỏ với những kỳ tích tăng trưởng đang làm cả thế giới quan tâm và một bên là cường quốc có ảnh hưởng lớn trên thế giới. Quan hệ ASEAN-Trung Quốc với vấn đề an ninh phi truyền thống dường như mang tính tất yếu của thời đại và có tầm quan trọng không nhỏ đối với tình hình an ninh và chính trị ở khu vực Đông Á nói chung và Việt Nam nói riêng.

Luận văn với đề tài: “ **ASEAN-Trung Quốc trong vấn đề an ninh phi truyền thống từ năm 2003 đến nay**” ngoài phần mở đầu và kết luận, bao gồm 3 chương với phần nội dung chính nằm ở chương 2. Luận văn tập trung nghiên cứu các vấn đề an ninh phi truyền thống đang hiện hữu ở Đông Á có tác động tới quan hệ giữa ASEAN và Trung Quốc. Từ đó phân tích thực trạng và triển vọng cho hợp tác ASEAN-Trung Quốc trong việc xử lý, đối phó các vấn đề an ninh phi truyền thống trong khu vực Đông Á giai đoạn từ 2003 đến nay và vai trò của Việt Nam. Nêu và phân tích khái niệm an ninh phi truyền thống và nhận thức của ASEAN và Trung Quốc. Đi sâu phân tích các cơ chế hợp tác giữa 2 bên trong lĩnh vực nhiều lĩnh vực như: an ninh lương thực, chống khủng bố quốc tế, tội phạm xuyên quốc gia, an ninh nguồn nước và an ninh hàng hải ở khu vực Đông Á. Dựa vào đó dự báo một số thách thức và triển vọng cũng như nêu qua một số đóng góp của Việt Nam trong việc thúc đẩy quan hệ này.

69. Đề tài: Quan hệ Việt Nam – Ukraine từ năm 1991 đến 2011

Học viên: Nguyễn Tuấn Anh

Quan hệ Việt Nam – Ukraine có truyền thống lâu đời, từ thời liên bang Xô Viết. Người dân Việt Nam có nhiều tình cảm tốt đẹp với Liên Xô nói chung và Ukraine nói riêng. Sau khi Ukraine tuyên bố độc lập ngày 24 tháng 08 năm 1991, ngày 27 tháng 12 năm 1991 Việt Nam đã công nhận nền độc lập của Ukraine và chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao vào ngày 23 tháng 01 năm 1992. Năm 2011 là năm quan trọng đánh dấu việc nâng tầm phát triển quan hệ “hợp tác và đối tác toàn diện” giữa Việt Nam và Ukraine với chuyến thăm chính thức của Tổng thống Viktor Yanucovich vào tháng 3 và chuyến thăm Ukraine vào tháng 10 của Thủ tướng Việt Nam Nguyễn Tấn Dũng.

Luận văn được trình bày gồm ba chương:

Chương 1: Luận văn tập trung phân tích những nhân tố tác động đến mối quan hệ Việt Nam – Ukraine (lịch sử, những thuận lợi và khó khăn trong quan hệ giữa 2 nước trong bối cảnh quốc tế mới. Xu hướng hợp tác quốc tế, chính sách đẩy mạnh hội nhập quốc tế và phát triển của Việt Nam...)

Chương 2: Phác họa lại các mối quan hệ đã đạt được giữa hai nước trong 2 thập kỷ từ sau chiến tranh lạnh trên một số lĩnh vực hợp tác như: Quan hệ chính trị - ngoại giao; Quan hệ kinh tế - thương mại; Quan hệ giáo dục – đào tạo; Quan hệ trong lĩnh vực khoa học – công nghệ; Quan hệ trong lĩnh vực văn hóa và cộng đồng người Việt ở Ukraine.

Chương 3: Trong chương này chúng tôi nêu lên những thuận lợi cũng như những hạn chế trong mối quan hệ Việt Nam - Ukraine từ đó dự đoán về triển vọng của mối quan hệ Việt Nam trong thời gian tới.